

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**VÕ BÌNH VƯƠNG**

**KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ,  
TẠM GIAM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ  
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN BÌNH TÂN,  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

**HÀ NỘI, năm 2018**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**VÕ BÌNH VƯƠNG**

**KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ,  
TẠM GIAM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ  
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN BÌNH TÂN,  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. TRẦN ĐÌNH NHÃ

HÀ NỘI, năm 2018

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận văn thạc sĩ: "Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh" là do chính tôi thực hiện.

Toàn bộ các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của tác giả khác được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2018

**Tác giả luận văn**

**Võ Bình Vương**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ, TẠM GIAM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM</b> .....	7
1.1. Khái quát chung về tạm giữ, tạm giam và thẩm quyền, thủ tục áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam .....	7
1.2. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm sát của Viện kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam .....	21
1.3. Quy định của pháp luật về kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam .....	25
<b>Tiểu kết Chương 1</b> .....	34
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ, TẠM GIAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> .....	35
2.1. Thực trạng chung về việc tạm giữ, tạm giam .....	35
2.2. Thực trạng Viện kiểm sát quận Bình Tân thực hiện chức năng kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017 .....	48
<b>Tiểu kết chương 2</b> .....	56
<b>Chương 3</b> .....	58
<b>MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ, TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY</b> .....	58
3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự .....	58
3.2. Hoàn thiện tổ chức Viện kiểm sát nhân dân .....	65
3.3. Hoàn thiện trình độ, năng lực của cán bộ kiểm sát .....	73
3.4. Những kiến nghị khác .....	74
<b>Tiểu kết Chương 3</b> .....	77
<b>KẾT LUẬN</b> .....	78
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>BLHS</b>	:	Bộ luật Hình sự
<b>BLTTHS</b>	:	Bộ luật Tố tụng hình sự
<b>KSTT</b>	:	Kiểm sát trực tiếp
<b>XHCN</b>	:	Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>Bảng 2.1.</b> Thực trạng tạm giữ tại quận Bình Tân từ năm 2013 đến năm 2017	38
<b>Bảng 2.2.</b> Số bị can bị khởi tố và bắt tạm giam từ năm 2013 đến năm 2015 tại quận Bình Tân .....	40
<b>Bảng 2.3.</b> Số người bị Cơ quan cảnh sát điều tra áp dụng biện pháp tạm giữ trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.....	42
<b>Bảng 2.4.</b> Số người bị Cơ quan điều tra tạm giam trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.....	45
<b>Bảng 2.5.</b> Số người bị Viện kiểm sát truy tố và Tòa án áp dụng biện pháp tạm giam trong thời gian từ tháng 12/2013 đến tháng 12/2017 trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh .....	48
<b>Bảng 2.6.</b> Viện kiểm sát không phê chuẩn các lệnh .....	49
<b>Bảng 2.7.</b> Thực trạng kiểm sát việc tạm giữ từ năm 2013 đến năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.....	51
<b>Bảng 2.8.</b> Thực trạng kiểm sát thi hành án hình sự tại nhà tạm giữ từ năm 2013 đến năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh .....	52

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, trong đó có chức năng kiểm sát tạm giữ, tạm giam nhằm đảm bảo tạm giữ, tạm giam được theo đúng quy định của pháp luật; chế độ tạm giữ, tạm giam được chấp hành nghiêm chỉnh; tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng. Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về công tác tư pháp đều nhấn mạnh đến công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của các cơ quan tiến hành tố tụng, của Viện kiểm sát. Tại Chỉ thị số: 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về một số công tác cấp bách của các cơ quan tư pháp cần được thực hiện trong năm 2000 đã nhấn mạnh:

*“Tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân đối với công tác bắt, giam giữ, việc bắt giam phải được xem xét phê chuẩn đối với từng trường hợp, từng đối tượng cụ thể. Đối với trường hợp bắt giam cũng được hoặc không bắt giam cũng được thì không bắt giam. Sai sót trong việc bắt, giam, giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện kiểm sát nhân dân ở địa phương đó chịu trách nhiệm” [1]*

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị xác định về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, trong đó nhiệm vụ bảo đảm tạm giữ, tạm giam đã chỉ rõ: Tăng cường công tác kiểm sát giam, giữ bảo đảm đúng pháp luật, những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan sai trong bắt giữ. Viện kiểm sát các cấp có trách nhiệm về những oan sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền của mình. Nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong các cơ quan tư pháp khi thi hành công vụ cũng như nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị tạm giữ, tạm giam, Ủy ban thường vụ cũng đã ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt

hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng thông để giải quyết đúng và hiệu quả của các vụ án, tránh, hạn chế được các oan sai đáng tiếc trong việc tạm giam, tạm giữ.

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự là cơ sở pháp lý đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được khách quan, thuận lợi, hợp pháp. Nhưng vẫn còn đó những tồn tại hạn chế trong việc tạm giữ, tạm giam; căn cứ, trình tự thủ tục áp dụng những biện pháp ngăn chặn này vẫn còn trường hợp không đúng pháp luật, như việc bắt, tạm giữ hình sự nhưng sau đó chuyển sang xử lý hành chính hoặc có những trường hợp cần phải áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam nhưng không thực hiện dẫn đến nhiều vụ án không thể điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án do người phạm tội bỏ trốn. Những tồn tại, hạn chế nêu trên không thể không làm hạn chế về chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam.

Những năm gần đây, trước tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói chung, trên địa bàn quận Bình Tân nói riêng diễn biến ngày càng phức tạp cả về số lượng, quy mô, tính chất, mức độ, công cụ, phương tiện và thủ đoạn, theo đó việc tạm giữ, tạm giam người phạm tội ngày càng tăng về số lượng. Do vậy, công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân ngày càng đóng vai trò quan trọng. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài này sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn trong hoạt động kiểm sát việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đưa ra quan điểm và giải pháp bảo đảm kiểm sát áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân nói riêng và ngành kiểm sát nhân dân nói chung ngày càng đạt chất lượng và hiệu quả cao.

Vì những lẽ trên tác giả quyết định chọn đề tài: "**Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh**" làm đề tài luận văn thạc sĩ.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của ngành kiểm sát nhân dân, trong đó kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam là một trong những mục đích quan trọng của công cuộc cải cách tư pháp nói chung, đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân nói riêng. Bởi vậy vấn đề này đã thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn trong và ngoài ngành kiểm sát. Nổi bật là các công trình nghiên cứu sau đây:

### ***Về sách chuyên khảo:***

- *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra* của TS.Lê Hữu Thế (Chủ biên), NXB Tư pháp năm 2005.

- Tài liệu Hội thảo quốc tế về quyền con người trong tố tụng hình sự: *Hoàn thiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp* của PGS,TS Trần Văn Độ, năm 2010.

### ***Về các đề tài khoa học, chuyên đề nghiên cứu của Viện KSNĐTC***

*Các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ luật học*

- Luận án tiến sĩ: *Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp* của Nguyễn Văn Điệp, Đại học Luật Hà Nội, năm 2005

- Luận văn thạc sĩ: *Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam* của Nguyễn Phạm Tố Phong, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, năm 2013.

- Luận văn thạc sĩ: *Kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự* của Trần Thế Linh, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2014

Ngoài ra, còn có các bài viết liên quan đến đề tài của nhiều tác giả đăng trên các tạp chí như: Tạp chí Tòa án, Tạp chí Kiểm sát; Tạp chí Luật học....

Qua nghiên cứu những công trình khoa học nêu trên, có thể thấy có nhiều

quan điểm mang tính lý luận mà trong quá trình thực hiện luận văn tác giả có thể kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, thông qua cơ sở nghiên cứu những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn mà đề xuất hoàn thiện cơ sở lý luận, pháp luật và đề ra các giải pháp bảo đảm tăng cường công tác Kiểm sát việc áp dụng Biện pháp tạm giữ, tạm giam.

Từ đó, có thể nói đề tài "*Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh*" là công trình nghiên cứu xuất phát từ những vấn đề thực tiễn trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, với mục đích mang lại hiệu quả thiết thực hơn trong công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của Viện nhân dân quận Bình Tân và ngành kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh nói chung trong giai đoạn hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

- **Mục đích nghiên cứu:** Luận văn nghiên cứu toàn diện, có hệ thống công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo pháp luật tố tụng Việt Nam và thực tiễn thực hiện tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, từ đó làm sáng tỏ cơ sở pháp lý của hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam đảm bảo cho các cơ quan bảo vệ pháp luật áp dụng các biện pháp ngăn chặn đúng pháp luật, trên cơ sở đó mà đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

#### **- Nhiệm vụ của luận văn:**

Luận văn có nhiệm vụ phân tích cơ sở lý luận, quy định của pháp luật về áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong công tác kiểm sát hoạt động này, nghiên cứu thực tiễn kiểm sát các biện pháp ngăn chặn này tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; từ đó nêu ra yêu cầu chung đối với việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam và đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình

Tân trong giai đoạn hiện nay.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài**

- *Đối tượng nghiên cứu*: lý luận và thực tiễn kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam.

- *Phạm vi nghiên cứu*: Công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó, chỉ nghiên cứu kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam về hình sự, không đề cập về tạm giữ hành chính; thời gian lấy số liệu trong 05 năm (2013- 2017).

#### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

- *Cơ sở lý luận*: luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; nhất là dựa trên quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp trong Nghị quyết về Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về cải cách tư pháp đến năm 2020 mà trực tiếp là các quan điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở vận dụng phép biện chứng của triết học Mác-Lênin, đồng thời sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích, phương pháp nghiên cứu và xử lý thông tin, phương pháp logic tổng hợp, phương pháp điều tra xã hội học, lịch sử, thống kê, dự báo, so sánh, tổng kết thực tiễn...

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- *Về lý luận*: Nghiên cứu góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành kiểm sát nhân dân nói chung và của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân nói riêng trong việc thực hiện chức năng kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam.

- *Về thực tiễn*: Việc nghiên cứu công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp

tạm giữ, tạm giam có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn sâu sắc; việc phân tích lý luận, pháp luật về biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam và thực tiễn áp dụng sẽ rút ra những kết luận hữu ích, giúp giải quyết những tồn tại, những vướng mắc trong thực tiễn. Viện kiểm sát là chủ thể rất quan trọng trong việc kiểm sát các hoạt động tố tụng nói chung và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam nói riêng. Các giải pháp mà luận văn đề xuất sẽ góp phần cho việc kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam, cũng như kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp. Vì vậy, luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho những người đang công tác trong lĩnh vực này.

#### **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Những vấn đề lý luận chung về kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam
- **Chương 2:** Thực trạng kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ thực tiễn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
- **Chương 3:** Một số kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn hiện nay

## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ, TẠM GIAM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

#### 1.1. Khái quát chung về tạm giữ, tạm giam và thẩm quyền, thủ tục áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam

##### 1.1.1. Khái niệm tạm giữ, tạm giam

Theo Từ điển luật học năm 2006 thì khái niệm tạm giữ, tạm giam được định nghĩa như sau:

Tạm giữ là biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang để cách ly họ với xã hội trong thời gian cần thiết cần ngăn chặn người đó tiếp tục phạm tội, cản trở điều tra và xác định sự liên quan của người này đối với việc phạm tội [41].

Tạm giam là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do thân thể của công dân. Đây là biện pháp ngăn chặn, cách ly bị can, bị cáo trong thời gian nhất định nhằm ngăn chặn các hành vi trốn tránh pháp luật, cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội mới của bị can, bị cáo, đảm bảo cho việc điều tra, truy tố, xét xử được thuận lợi [41].

BLTTHS Việt Nam năm 2015 quy định các biện pháp ngăn chặn như sau: để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để đảm bảo thi hành án, cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình, có thể áp dụng biện pháp tạm giữ người đối với người bị bắt (Bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã), bắt bị can, bị cáo để tạm giam và các biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

Biện pháp ngăn chặn tạm giữ là ngăn chặn hành vi phạm tội hoặc hành vi cản trở việc điều tra khám phá tội phạm của những người bị nghi là đã thực hiện hành vi phạm tội, tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền có đủ thời gian để xác định tính chất, mức độ, hành vi, nhân thân của người thực hiện hành vi nguy hiểm

cho xã hội để từ đó ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo hoặc ban hành các, quyết định pháp lý cần thiết như tạm giam, áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác hay trả tự do cho người bị bắt.

Biện pháp ngăn chặn tạm giam là nhằm ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm. BLTTHS quy định về biện pháp tạm giam có ý nghĩa rất quan trọng. Biện pháp tạm giam góp phần nâng cao hiệu quả trong việc quản lý các đối tượng vi phạm nhằm củng cố, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự an toàn, vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân, bảo đảm cho công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng đạt được hiệu quả cao.

Tóm lại, tạm giữ là một biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS do cơ quan và người có thẩm quyền áp dụng nhằm kịp thời ngăn chặn người phạm tội không gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, không tiếp tục thực hiện tội mới và khi cần thiết còn đảm bảo cho việc thi hành án. Tạm giam được quy định trong BLTTHS là biện pháp ngăn chặn do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án áp dụng nhằm buộc những người phạm tội có lệnh tạm giữ đang có hiệu lực pháp luật hoặc người bị bắt theo lệnh tạm giam tiếp tục bị giam giữ nhằm cách ly họ khỏi xã hội trong khoảng thời gian nhất định tại Nhà tạm giữ hoặc Trại tạm giam với mục đích ngăn chặn hành vi phạm tội, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, đảm bảo cho việc thi hành án.

#### *1.1.2. Căn cứ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam*

Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn nói chung được quy định tại Điều 109 BLTTHS năm 2015: “*Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để đảm bảo thi hành án, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong phạm vi thẩm quyền của mình, có thể áp dụng các biện pháp tạm giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh...*”

Bắt bị can, bị cáo để tạm giữ, tạm giam phải tuân theo các căn cứ quy định tại điều 109 của BLTTHS hiện hành, bao gồm các căn cứ sau: khi có căn cứ chứng

tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử; có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội; khi có căn cứ rõ ràng bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án bản án hình sự.

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải tuân theo căn cứ quy định tại Điều 110 của BLTTHS hiện hành. Giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải thỏa mãn một trong các trường hợp sau: Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; Người thực hiện cùng tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; có dấu vết của tội phạm ở ngoài hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ. Như vậy, áp dụng biện pháp ngăn chặn khi xác định được một người đang chuẩn bị thực hiện hành vi nguy hiểm gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội, cá nhân, tổ chức mức độ rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; khi xảy ra thiệt hại thì đồng phạm hoặc người bị hại hoặc người chứng kiến vụ việc xác định đúng chính người đó đã thực hiện tội phạm cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; cần ngăn chặn ngay khi người bị nghi thực hiện tội phạm trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Tạm giữ là biện pháp ngăn chặn được quy định tại Điều 109 BLTTHS và được cụ thể hóa tại Điều 117 BLTTHS hiện hành. Tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải gửi quyết định tạm giữ kèm theo các tài liệu làm căn cứ tạm giữ cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền. Như vậy, tạm giữ được áp dụng khi có căn cứ cho rằng hành vi vi phạm của người tạm giữ đã gây thiệt hại và có hậu quả xảy ra.

Áp dụng biện pháp tạm giữ đối với người chưa đủ 18 tuổi được quy định tại Điều 419 BLTTHS hiện hành, theo đó chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ khi có căn cứ

cho rằng áp dụng các biện pháp giám sát, biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả. Về thời hạn tạm giam đối với các đối tượng này cũng được cân nhắc theo hướng quan tâm bảo vệ lợi ích cho họ, theo đó chỉ áp dụng hai phần ba thời gian tạm giam đối với người đủ 18 tuổi. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt tạm giam, tạm giữ khi thỏa mãn những quy định tại Khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi có căn cứ quy định tại các Điều 110, 111 và 112 các điểm a, b, c, d và đ Khoản 2 Điều 119 BLTTHS hiện hành. Người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp bắt khẩn cấp, bị bắt bị, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội đặc biệt nghiêm trọng, nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và 112 các điểm a, b, c, d và đ Khoản 2 Điều 119 BLTTHS hiện hành. Tuy nhiên, trường hợp người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vẫn áp dụng biện pháp tạm giữ trong trường hợp tội phạm nghiêm trọng do lỗi vô ý hay tội ít nghiêm trọng khi họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

Về thời hạn tạm giữ, căn cứ theo quy định tại Điều 118 BLTTHS hiện hành thì thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ khi cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ... Trong trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn không quá 03 ngày, trong trường hợp đặc biệt có thể gia hạn lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày.

Biện pháp tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất, nhằm cách ly người phạm tội khỏi đời sống xã hội, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi chính trị, quyền tự do của con người. Vì vậy, áp dụng biện pháp này phải có căn cứ rõ ràng, xác đáng, không lạm dụng, áp dụng tùy tiện. Vì tạm giam là một trong những biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS hiện hành nên căn cứ đầu tiên để áp dụng biện pháp tạm giam cũng chính là căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn nói chung được quy định tại Điều 109 và được quy định cụ thể hóa tại Điều 119 BLTTHS hiện hành. Theo đó, để áp dụng biện pháp tạm giam cần phải bám sát căn cứ sau:

*Một là*, Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội rất nghiêm trọng; Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng: (Khoản 4 Điều 9 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) là thực hiện tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội ở mức cao nhất của hình phạt là từ 15 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình, phạm tội rất nghiêm trọng (Khoản 3 Điều 9 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phạm tội có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, mức hình cao nhất của khung hình phạt là 15 năm tù giam. Dựa vào tính chất nguy hiểm và mức độ thiệt hại từ rất lớn đến đặc biệt lớn đối với xã hội của hai loại tội phạm trên, pháp luật cho phép áp dụng biện pháp tạm giam mà không cần điều kiện kèm theo như cản trở, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, khả năng tiếp tục phạm tội hay bỏ trốn vì mức độ nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm này đã bao gồm khả năng xảy ra các hành vi trên.

*Hai là*, Bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng mà BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định hình phạt tù trên hai năm mà có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội. Tội phạm nghiêm trọng: là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt lên đến bảy năm tù (Khoản 2 Điều 9 BLHS hiện hành); Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, mức cao nhất của khung hình phạt đến ba năm tù giam (Khoản 1 Điều 9 BLHS hiện hành). Như vậy, dựa vào tính chất, mức độ nguy hại cho xã hội không lớn nên khi áp dụng biện pháp tạm giam cho loại tội phạm này cần phải được xem xét thêm các điều kiện khác.

Với điều kiện bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng mà hình phạt đối với hành vi này là trên hai năm thì việc xác định căn cứ hình phạt tù là trên hai năm đặt ra hai quan điểm:

*Một là*, phạm tội ở bất cứ khoản nào của điều luật mà trong điều luật đó có quy định khung hình phạt cao nhất của khoản nặng nhất là trên hai năm tù.

*Hai là, khi bị can, bị cáo bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo một khoản cụ thể nào đó của điều luật thì áp dụng mức hình phạt tù cao nhất mà khoản đó quy định.*

Hiện nay tuy vẫn còn tranh luận, tuy nhiên trên thực tế thường xác định theo cách thứ hai nhiều hơn vì theo hướng có lợi cho người phạm tội và cũng là điều kiện để xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử dễ dàng hơn.

Về dấu hiệu: phải có căn cứ rõ ràng là người này có thể bỏ trốn hoặc cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội, tuy luật không giải thích cụ thể “Có căn cứ cho rằng” mà phần lớn việc xác định căn cứ này trên thực tế phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Cơ quan tiến hành tố tụng. Để xác định căn cứ này thông thường Cơ quan tiến hành tố tụng phải tìm hiểu về hoàn cảnh, nhân thân bị can, bị cáo, xem xét các biểu hiện trốn tránh như vắng mặt nhiều lần khi được triệu tập, tẩu tán tài sản, đi xa, báo bệnh nhưng thực chất không có bệnh... có các hành vi cản trở gây, khó khăn cho việc điều tra như tiêu hủy chứng cứ, thông cung, mua chuộc, dọa dẫm người làm chứng....; có tài liệu cho thấy đây là những đối tượng tái phạm, tái phạm nguy hiểm, tội phạm có tính chất chuyên nghiệp...

Bị can, bị cáo bắt trong trường hợp bị truy nã theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 BLTTHS hiện hành về những việc cần làm ngay sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ, bị bắt “... *Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã có thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam...*”, người bị bắt do bị truy nã dù phạm tội trong trường hợp, mức độ nào thì cũng phải tạm giam

Tuy vậy, vẫn có trường hợp pháp luật hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam theo khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành “Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lai lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác”. Không áp dụng biện pháp tạm giam với những trường hợp như vậy là vừa thấu tình, vừa đạt lý vì đây là những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt và có những diễn biến tâm sinh lý không giống với những người khỏe mạnh bình thường. Vì

vậy, xã hội luôn đặt sự an toàn của phụ nữ mang thai, trẻ em và người già lên vị trí cao nhất vì họ là những đối tượng cần được chăm sóc và bảo vệ trên hết, theo luân lý thường tình giữa người với người. Tuy nhiên, vẫn còn những trường hợp bị can, bị cáo thuộc những đối tượng lợi dụng những ưu đãi này mà trốn tránh nghĩa vụ, tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền khi có đầy đủ căn cứ khẳng định họ có thể sẽ gây nguy hại cho xã hội, tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn thì phải buộc tạm giam để phục vụ cho quá trình tố tụng hình sự. Điều này cũng được quy định trong các điểm a,b,c,d Khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành “a. bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã”; “b. tiếp tục phạm tội”; “c. có hành vi mua chuộc, xúi dục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tâu tào tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa không chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này”; “d. bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đối với an ninh quốc gia”.

Đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên cần lưu ý rằng biện pháp tạm giam vẫn có thể áp dụng đối với người phạm tội là người chưa thành niên (người dưới mười tám tuổi) phạm tội. Nhưng vì đây là những đối tượng đặc biệt, có những điểm khác biệt về tâm, sinh lý, hành động chưa chính chắn, năng lực hành vi chưa đầy đủ nên pháp luật tố tụng hình sự có những quy định điều chỉnh riêng, áp dụng đồng thời với các quy định khác. Căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam hay biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế khác quy định ở phần thủ tục đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi tại Chương 28, cụ thể là Điều 419 BLTTHS hiện hành. Trong các trường hợp này, áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi chỉ khi thật cần thiết hoặc đã áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác nhẹ hơn mà không có hiệu quả thì mới áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam. “Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp khác không hiệu quả”.

Người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, bị tạm giữ, bị tạm giam về tội phạm quy định tại Khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự nếu có căn cứ theo các điều 110,111 và 112, các điểm a,b,c,d và đ Khoản 2 Điều 119 của BLTTHS hiện hành; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do lỗi cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111, 112, các điểm a,b,c,d và đ Khoản 2 Điều 119 của BLTTHS hiện hành. Như vậy, trong các trường hợp trên đã thể hiện sự khác biệt trong quy định về việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội. Người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong trường hợp phạm tội ở mức độ tội nghiêm trọng do lỗi cố ý (Trường hợp mức độ ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do lỗi vô ý thì không áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam); đối với tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng trong trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm, không có nơi cư trú rõ ràng, không xác định được lý lịch của bị can, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn, tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu phạm tội, có hành vi cưỡng ép, mua chuộc, xúi giục người khác khai báo gian dối cung cấp tài liệu sai sự thật, tiêu hủy hoặc giả mạo chứng cứ...thì có thể bị tạm giữ, tạm giam.

### *1.1.3.Thẩm quyền, thủ tục áp biện pháp tạm giữ, tạm giam*

Trong trường hợp khẩn cấp thì Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp, Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lục lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục nghiệp vụ và pháp luật lục lượng cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy

lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục kiểm ngư vùng; Người chỉ huy tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng có thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Thủ tục giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị giữ, lý do, căn cứ giữ người. Người thi hành quyết định, lệnh phải đọc lệnh, quyết định, giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị bắt, nội dung của lệnh, quyết định và việc giao nhận phải được lập thành văn bản. Khi tiến hành bắt giữ người tại địa phương phải có sự tham gia của đại diện Chính quyền địa phương nơi người bị bắt cư trú. Trường hợp bắt giữ người tại nơi làm việc, học tập thì phải có đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập chứng kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 132, Điều 114, Điều 115, Điều 116 BLTTHS hiện hành. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ phải lấy lời khai ngay và phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do cho người đó ngay. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn. Trường hợp Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì người đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra đã nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải trả tự do ngay cho người bị giữ. Trường hợp gia hạn thời gian tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn.

Thẩm quyền bắt bị can, bị cáo để tạm giam thuộc các chủ thể sau đây: Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp (trong trường hợp này lệnh bắt phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành), Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện

kiểm sát quân sự các cấp; Chánh án, Phó chánh án Tòa án nhân dân, Chánh án, Phó chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử.

Thủ tục bắt bị can, bị cáo để tạm giam: lệnh bắt, quyết định phê chuẩn lệnh, quyết định bắt, phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên của người ra lệnh, quyết định, họ tên, địa chỉ người bị bắt; lý do bắt và phải có chữ ký của người ra lệnh, quyết định, có đóng dấu của cơ quan mà người ra lệnh đảm nhiệm chức vụ theo quy định này nhằm đảm bảo tính hợp pháp của các quyết định, qua đó xác định rõ trách nhiệm của người ra lệnh, quyết định và cơ quan ra lệnh, quyết định không đúng với quy định của pháp luật và các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 132, Điều 114, Điều 115, Điều 116 BLTTHS hiện hành. Khi bắt người phải có đại diện của Chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan tổ chức nơi người đó công tác, học tập chứng kiến; Trường hợp thực hiện lệnh bắt người tại nơi cư trú, phải có người láng giềng tham gia chứng kiến, cơ quan chính quyền địa phương chứng kiến nhằm đảm bảo việc bắt người được thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

Thẩm quyền tạm giam được quy định tại Khoản 1 Điều 113 và Khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành, gồm những quy định cụ thể về những người có thẩm quyền ra lệnh tạm giam. Tuy nhiên, để hiểu sâu hơn về vấn đề này, cần nghiên cứu thẩm quyền ra lệnh tạm giam của cơ quan chức năng qua từng giai đoạn tố tụng: giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử và thi hành án.

Giai đoạn điều tra: là giai đoạn xác định tội phạm và người thực hiện tội phạm để làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án, vì thế cơ quan đầu tiên có thẩm quyền ra lệnh tạm giam đó chính là Cơ quan điều tra và đặc biệt là chỉ có những người có thẩm quyền của Cơ quan điều tra mới có quyền ra lệnh tạm giam, đó là Thủ trưởng và Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Tuy nhiên, lệnh tạm giam đó sẽ không có hiệu lực thi hành nếu không có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp (Khoản 1 Điều 113, Khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành). Ngoài ra, với tư cách là Cơ quan thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra thì Viện kiểm sát cũng có thẩm quyền ra lệnh tạm giam đối với bị can, bị cáo. Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có quyền ra quyết

định tạm giam theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 41, Khoản 1 Điều 113, Khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành. Quyết định này là bắt buộc Cơ quan điều tra thực hiện và chỉ có thể kiến nghị nếu không đồng ý. Trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát có quyền phê chuẩn hay không phê chuẩn lệnh bắt người tạm giữ để tạm giam của Cơ quan điều tra và các cơ quan có thẩm quyền khác theo điểm g Khoản 2 Điều 41, Khoản 4 Điều 165, Khoản 5 Điều 119 BLTTHS hiện hành. Trong giai đoạn truy tố: là giai đoạn tố tụng độc lập, trong đó Viện kiểm sát sẽ thi hành quyền đặc trưng của mình, đó là quyền truy tố bị can trước Tòa án (Điều 13 Luật tổ chức Viện kiểm sát). Chính vì vậy, cơ quan duy nhất có thẩm quyền ra lệnh tạm giam trong giai đoạn này là Viện kiểm sát. Căn cứ Khoản 1 Điều 113 và Khoản 4 Điều 119 BLTTHS hiện hành, Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có quyền ra lệnh tạm giam bị can, bị cáo nhằm bảo đảm việc truy tố bị can, bị cáo trước Tòa án. Giai đoạn xét xử và thi hành án: giai đoạn xét xử là giai đoạn quan trọng của hoạt động tố tụng hình sự, quyết định bị cáo có tội hay không có tội và chỉ có Tòa án nhân danh Nhà nước mới có quyền kết tội một người. Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ do Viện kiểm sát chuyển sang, Thẩm phán được phân công, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể ra quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn khi cần thiết, trừ biện pháp tạm giam quy định tại Khoản 2 Điều 45 BLTTHS hiện hành, vì đối với biện pháp tạm giam thì chỉ có Chánh án hoặc Phó chánh án mới có thẩm quyền ra quyết định áp dụng theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 44, Điều 278 BLTTHS hiện hành. Giai đoạn tuyên án và thi hành án: Biện pháp ngăn chặn tạm giam còn có thể được áp dụng trong giai đoạn này trong một số trường hợp đặc biệt và Hội đồng xét xử có thẩm quyền quyết định tạm giam bị cáo nếu xét thấy cần thiết để bảo đảm cho quá trình xét xử và sau khi tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án. Sau khi tuyên án, Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định tạm giam đối với bị cáo theo quy định tại Điều 329 BLTTHS hiện hành “Bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án”.

Thủ tục tạm giam: Theo Từ điển tiếng Việt, thủ tục có nghĩa là: “Thứ tự và cách thức làm việc theo một lề lối đã được quy định” [39]. Thủ tục được đề cập đến

không chỉ nói đến thủ tục thực hiện lệnh tạm giam mà còn là thủ tục mà bị can, bị cáo phải thực hiện trong quá trình tạm giam. Thủ tục trước khi ra lệnh tạm giam: Những người có thẩm quyền ra lệnh bắt tạm giam bị can, bị cáo được quy định tại Điều 113 BLTTHS hiện hành có quyền ra Lệnh tạm giam. Lệnh tạm giam phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên của người ra lệnh, họ tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ của người bị tạm giam, lý do tạm giam, thời hạn tạm giam. Ban giám thị trại tạm giam có trách nhiệm thi hành Lệnh tạm giam, Lệnh tạm giam phải có chữ ký của người ra lệnh và có đóng dấu Lệnh tạm giam của những người được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 113 BLTTHS hiện hành phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành nhằm đảm bảo tính hợp pháp và qua đó xác định rõ trách nhiệm của người ra lệnh, quyết định và cơ quan ra lệnh, quyết định. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được Lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ tài liệu kèm theo liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn và phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn. Cơ quan ra lệnh tạm giam phải kiểm tra căn cước của người của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam và cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết. Khi bắt người phải có đại diện của Chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan tổ chức nơi người đó công tác, học tập, trường hợp thực hiện lệnh bắt người tại nơi cư trú thì phải có người láng giềng, cơ quan chính quyền địa phương chứng kiến nhằm đảm bảo việc bắt người được thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật. Chế độ đối với người bị tạm giam khác với chế độ người đang chấp hành hình phạt tù, thể hiện ở chỗ: quy định về thời gian, chế độ sinh hoạt, thăm gặp người thân, chế độ nhận quà và các chế độ khác. Những thủ tục cần thiết khác đối với bị can, bị cáo chấp hành lệnh tạm giam cần được tuân thủ bao gồm: Thứ nhất, đối tượng, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn tạm giam như: khi tiếp nhận một người bị tạm giam vào nơi giam hoặc ra khỏi nơi giam phải kiểm tra các lệnh, quyết định (phải có lệnh, quyết định đang còn hiệu lực pháp luật của các cơ quan và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật);

phải có biên bản giao nhận hồ sơ, giao nhận người và xác định tình trạng sức khỏe của họ và biên bản xác nhận tài sản bị tạm giữ như: tư trang, tài sản (nếu có); biên bản bắt tạm giam phải nêu rõ lý do tạm giam từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm; đối tượng chuyển từ trại tạm giam khác đến phải có quyết định điều chuyển, lệnh tạm giam phải còn hiệu lực pháp luật, có danh chỉ bản, có các quyết định xử lý, quyết định khởi tố bị can, chuyển trại tạm giam, các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giữ, quyết định trả tự do vì không đủ căn cứ. Các tài liệu khác như: Biên bản vi phạm, quyết định xử lý kỷ luật người bị tạm giữ, tạm giam; nếu người bị tạm giam chết phải có biên bản xác định nguyên nhân chết và có sự chứng kiến của đại diện Viện kiểm sát, biên bản giao trả tư trang, tài sản khi người bị giam được trả tự do, chuyển nơi tạm giam khác (phải có xác nhận người nộp, người nhận); các biên bản phải được ghi rõ giờ, phút, ngày, tháng, năm, chữ ký, dấu của người có trách nhiệm; các lệnh, quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền phải ghi rõ cơ quan, họ tên, chức vụ, cấp bậc người ra lệnh, họ tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ của người bị bắt, ngày bị bắt, tội danh, ngày bị tạm giam. Các loại lệnh, quyết định, biên bản trong hồ sơ tạm giam phải ghi rõ giờ, phút, ngày, tháng, năm ký tên và đóng dấu. Khi kiểm sát trại tạm giam nếu phát hiện trường hợp hết thời hạn tạm giam mà người đó vẫn đang bị giam thì Kiểm sát viên viết báo cáo gửi lãnh đạo Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan và người có thẩm quyền trả tự do cho họ. Thứ hai, đối với việc phân loại, quản lý người bị tạm giam theo quy định của pháp luật khi tiến hành kiểm sát phải xem xét việc tuần tra, canh gác 24/24 trại tạm giam để giải quyết kịp thời các việc đột xuất có thể xảy ra, phải kiểm tra, xem xét các buồng giam. Chú ý các buồng chấp hành án phạt tù tại buồng giam của người phạm tội thuộc các trường hợp giam riêng theo quy định của pháp luật. Nhà tạm giữ có buồng tạm giam, buồng chấp hành án phạt tù phải ghi rõ buồng tạm giam, buồng chấp hành án phạt tù Viện kiểm sát phải kiểm sát việc xử lý kỷ luật đối với người bị giam (thông qua nghiên cứu hồ sơ, quan sát, hỏi người bị kỷ luật), bảo đảm việc xử lý kỷ luật đúng theo quy định. Thứ ba, kiểm sát việc thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân; kiểm tra chế độ ăn

uống, ở, sinh hoạt, chăn, màn, quần, áo theo quy định của pháp luật về tạm giam; được gặp người thân (nếu có thể); được nhận quà tiếp tế của gia đình (theo quy định của pháp luật), được khám chữa bệnh khi được đau ốm, được học tập, sinh hoạt, giải trí... Kiểm sát việc khiếu nại, tố cáo của người bị tạm giam về việc tạm giam trái pháp luật hoặc có hành vi trái quy chế tạm giam. Thứ tư, việc bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, nhân phẩm, danh dự của người bị tạm giam và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ và phải được tôn trọng.

Những thủ tục cần thiết khi Viện kiểm sát tiến hành phê chuẩn lệnh tạm giam trong trường hợp người đang bị tạm giữ bị khởi tố bị can (Khoản 5 Điều 119 BLTTHS hiện hành): Để đảm bảo trong thời gian Viện kiểm sát xét duyệt phê chuẩn lệnh tạm giam đối với người đang bị tạm giữ bị khởi tố bị can nhưng vẫn còn trong thời hạn tạm giữ thì chậm nhất 12 giờ trước khi hết thời hạn tạm giữ hoặc gia hạn tạm giữ, Cơ quan điều tra phải giao hồ sơ đề nghị phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và đề nghị phê chuẩn lệnh tạm giam bị can cho Viện kiểm sát cùng cấp. Khi hồ sơ đã chuyển cho Viện kiểm sát để xét phê chuẩn, nếu có tài liệu bổ sung thì Cơ quan điều tra chuyển ngay cho Viện kiểm sát để kịp thời phục vụ cho việc xét phê chuẩn. Trong trường hợp này việc xét phê chuẩn và quyết định khởi tố bị can được tiến hành cùng lúc với việc xét phê chuẩn lệnh tạm giam bị can. Nếu chưa đủ căn cứ khởi tố bị can, nhưng có căn cứ gia hạn tạm giữ thì Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra ra quyết định gia hạn tạm giữ và gửi ngay quyết định cho Viện kiểm sát phê chuẩn. Trong thời hạn gia hạn tạm giữ đó, Cơ quan điều tra phải khẩn trương thu thập chứng cứ, củng cố tài liệu và chuyển ngay cho Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Nếu khởi tố bị can đủ cơ sở, nhưng không cần thiết phải tạm giam bị can thì Viện kiểm sát ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và ra quyết định không phê chuẩn lệnh tạm giam, nếu xét cần thì yêu cầu Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn khác đối với bị can. Hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn khởi tố bị can và phê chuẩn lệnh tạm giam trong trường hợp người đang bị tạm giữ khởi tố bị can gồm các tài liệu sau đây: Công văn đề nghị xét phê chuẩn lệnh, quyết định khởi tố bị can, tạm giam bị can, quyết định tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ

(nếu có), lệnh tạm giữ bị can, quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can, biên bản giao quyết định khởi tố bị can có chữ ký, điểm chỉ của bị can, biên bản lấy lời khai người bị tạm giữ, biên bản hỏi cung bị can (nếu có), các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị can, các tài liệu về nhân thân bị can, bản kê các tài liệu trong hồ sơ và từng trang tài liệu được đóng dấu bút lục của Cơ quan điều tra.

## **1.2. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm sát của Viện kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam**

### *1.2.1. Khái niệm kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam*

Theo Từ điển tiếng Việt, “kiểm sát” đó là hoạt động kiểm tra, giám sát. Kiểm sát là một loại hoạt động đặc thù một loại chủ thể kiểm sát – Viện kiểm sát với thẩm quyền và phương thức riêng biệt. “Cơ quan kiểm sát” thông thường được hiểu là cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của nhà nước [39].

Pháp luật thực định quy định rõ một loại chủ thể có thẩm quyền kiểm sát việc phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật, trong đó đặc biệt là pháp luật tố tụng hình sự - đó là Viện kiểm sát. Tuy nhiên, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Nhà nước trong tố tụng hình sự không chỉ có Viện kiểm sát tham gia mà còn có các chủ thể khác như người tham gia tố tụng, cơ quan điều tra, tổ chức, đại biểu dân cử, cá nhân nói chung.

Sự khác biệt giữa hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát với hoạt động giám sát của các chủ thể khác chính là một số quyền đặc thù mà pháp luật cho phép chỉ có Viện kiểm sát mới được thực hiện. Các quyền này đồng thời cũng là nghĩa vụ của Viện kiểm sát, tạo nên sự khác biệt về phương thức hoạt động kiểm sát mà các chủ thể khác không có. Quyền của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự được thể hiện cụ thể qua các quyền của Viện trưởng, Phó Viện trưởng và Kiểm sát viên, căn cứ vào các quy định của BLTTHS năm 2015; Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2002, 2014 và có thể tách các quyền này như sau:

- Quyền phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật: bao gồm các quyền kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra, hoạt động xét xử, hoạt động tạm giữ, hoạt động tạm

giám, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù, hoạt động thi hành án hình sự và xử lý những vi phạm pháp luật được phát hiện thông qua hoạt động này.

- Các quyền yêu cầu khắc phục, xử lý vi phạm: quyền yêu cầu khắc phục các quy phạm; quyền yêu cầu xử lý nghiêm minh những người có thẩm quyền khác đã vi phạm pháp luật; quyền kháng nghị, kiến nghị nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật...

Chỉ có Viện kiểm sát mới có thể tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong tổ tụng hình sự một cách cụ thể, liên tục. Viện kiểm sát có quyền và nghĩa vụ áp dụng các biện pháp cần thiết để tác động trực tiếp đến các đối tượng bị kiểm sát nhằm đảm bảo cho hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố xét xử và thi hành án đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cho pháp luật được chấp hành một cách nghiêm chỉnh và thống nhất, qua đó đảm bảo quyền tự do, dân chủ và các quyền khác của con người của công dân.

Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam là một loại hình kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tổ tụng hình sự, là một bộ phận công tác thực hiện chức năng của Viện kiểm sát.

Từ những nhận định và phân tích trên, theo ý kiến tác giả thì:

*Kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam là một loại hình kiểm sát các hoạt động tư pháp về căn cứ, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo và bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ.*

*1.2.2. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm sát của Viện kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam*

1.2.2.1. Thẩm quyền

Thẩm quyền chung của Viện kiểm sát nhân dân quy định tại Điều 107 Hiến pháp năm 2013, theo đó “*Viện kiểm sát nhân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo*

*vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh thống nhất”.*

Thẩm quyền chung Viện kiểm sát về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn được quy định tại chương 7 BLTTHS hiện hành “Biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế”.

Thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can, bị cáo để tạm giam, tạm giữ thuộc về Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp. Trong trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam được thực hiện do Cơ quan điều tra thì lệnh bắt phải được Viện kiểm sát phê chuẩn.

Thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp: lệnh giữ người không cần có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát trước khi thi hành, nhưng trong mọi trường hợp, sau khi đã giữ người, người ra lệnh phải báo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quan đến bắt khẩn cấp để xét phê chuẩn lệnh tạm giữ. Trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì theo quy định của pháp luật, bất kể người nào cũng có quyền bắt và giải người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã đến cơ quan công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

Thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ của Viện kiểm sát nhân dân: để đảm bảo công tác giám sát việc tạm giữ, tránh vi phạm quyền tự do, bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, BLTTHS quy định: trong 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, tạm giữ phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn.

Thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân: đối với Viện kiểm sát nhân dân thì Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có quyền ra lệnh tạm giam. Một số thủ trưởng Cơ quan điều tra do luật quy định cũng có quyền ra lệnh tạm giam. Tại khoản 1 Điều 113 BLTTHS hiện hành cũng quy định rõ những người có thẩm quyền ra lệnh tạm giam và lệnh tạm giam của những người này phải được Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

#### 1.2.2.2. Trách nhiệm

Trong phạm vi chức năng của mình, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, cá nhân, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, tự do của công dân, đảm bảo để mọi hành vi xâm phạm lợi ích của nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật.

Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam trong BLTTHS được quy định tại Điều 22 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, khi thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý, giáo dục người chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Trực tiếp kiểm sát nhà tạm giữ, tạm giam, hỏi người bị giữ, bị tạm giam về việc bị tạm giữ, tạm giam.
- Kiểm sát hồ sơ tạm giữ, tạm giam.
- Yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân, cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc tạm giữ, tạm giam, thông báo tình hình tạm giữ tạm giam, trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.
- Quy định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật.
- Kháng nghị, kiến nghị yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền trong việc tạm giữ, tạm giam đình chỉ việc thi hành án, sửa đổi hủy bỏ quyết định, bổ sung

quyết định trong việc tạm giữ, tạm giam, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.

- Khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong việc tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bắt, tạm giữ, tạm giam là rất quan trọng nhằm đảm bảo cho việc bắt, tạm giữ, tạm giam khách quan, đúng quy định của pháp luật; đảm bảo chế độ tạm giữ, tạm giam được thực hiện nghiêm chỉnh, đồng thời bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam cũng như các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng và bảo vệ.

### **1.3. Quy định của pháp luật về kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam**

#### *1.3.1. Quy định của Hiến pháp*

Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền công dân, bảo vệ chế độ chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất (Điều 107 Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013).

- Viện kiểm sát nhân dân bảo vệ bảo đảm quyền con người trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam. Bắt người, tạm giữ, tạm giam là biện pháp ngăn chặn hạn chế một số quyền của công dân, quyền con người của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam. Mục đích của các biện pháp này là đảm bảo cho các Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, đảm bảo thực hiện pháp luật và pháp chế. Các biện pháp ngăn chặn

tuy hạn chế quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân vì vậy khi áp dụng cũng tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, nắm vững những nội dung, thẩm quyền, thủ tục bắt, tạm giữ, tạm giam sẽ đảm bảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng áp dụng đúng pháp luật, tránh vi phạm các quy định của pháp luật, qua đó đảm bảo tốt nhất quyền con người quyền công dân không bị vi phạm trái pháp luật.

Bắt người, tạm giữ, tạm giam người là những biện pháp cưỡng chế cần thiết do các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và một số cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật. Một số trường hợp có thể áp dụng cả đối với người chưa bị khởi tố (khi người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và trong trường hợp khẩn cấp) nhằm ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội trốn, tránh pháp luật hoặc có hành động cản trở cho công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành án.

Bắt bị can, bị cáo để tạm giữ, tạm giam là biện pháp thường được áp dụng trong đấu tranh chống tội phạm, mục đích chính là ngăn chặn hành vi tiếp tục phạm tội và việc trốn tránh pháp luật của bị can, bị cáo. Bắt bị can, bị cáo để tạm giam là bắt người đã bị khởi tố về hình sự hoặc người bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Như vậy, đối tượng bị bắt để tạm giam chỉ có thể là bị can, bị cáo. Người chưa bị khởi tố với tư cách là bị can hoặc người không bị Tòa án đưa ra xét xử không thể bị bắt để tạm giam. Nếu người không bị khởi tố với tư cách là bị can và người không bị Tòa án đưa ra xét xử mà vẫn bị bắt để tạm giam thì có nghĩa là cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện không đúng quy định của pháp luật, và trong trường hợp này thì quyền con người, quyền công dân của người bị bắt không được đảm bảo. Ngoài ra, bắt bị can, bị cáo để tạm giam không phải là biện pháp duy nhất để ngăn chặn tội phạm, vì vậy không phải mọi bị can, bị cáo đều bị bắt để tạm giam. Khi bắt bị can, bị cáo để tạm giam phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội và thái độ của họ khi và sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Chỉ được bắt

người để tạm giam khi có đủ căn cứ để xác định người đó đã thực hiện hành vi phạm tội, và xét thấy cần thiết bắt để tạo điều kiện cho việc điều tra xử lý tội phạm. Khi có những điều kiện, dấu hiệu cho thấy người phạm tội không có ý trốn tránh pháp luật, không gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án thì không nên bắt mà áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác. Ví dụ, như đối với người dưới 18 tuổi, người phạm tội lần đầu, tính chất ít nghiêm trọng, hoặc phạm tội do lỗi vô ý, không có hành động cản trở điều tra, truy tố, xét xử thì không cần phải bắt tạm giam.

- Bảo đảm bị can, bị cáo không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình. Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm... Quy định này được áp dụng cho cả bị can, bị cáo.

Nguyên nhân của tình trạng bức cung, nhục hình thường diễn ra ở giai đoạn tiền khởi tố bị can và đó là do thiếu cơ chế kiểm sát đối với cán bộ điều tra, điều tra viên. Khi pháp luật trao cho họ quyền lực nhà nước nhưng lại không có cơ chế giám sát, nghiêm cấm thì sẽ dẫn đến lạm quyền trong thực thi công vụ và nếu không được quan tâm giải quyết ngay từ giai đoạn khởi tố và điều tra thì bức cung, nhục hình sẽ vẫn tiếp diễn. Điều này sẽ gây ra oan sai, ảnh hưởng xấu đến niềm tin của nhân dân đối với cơ quan tư pháp. Cần lưu ý là các hành vi nhục hình, bức cung là rất khó chứng minh do chỉ có người bị hại và Điều tra viên biết mà không có người làm chứng, nhất là khi không có ghi âm, ghi hình.

Điều 31 Hiến pháp năm 2013 có quy định: người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Như vậy, trong các giai đoạn này người phạm tội có quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa để đảm bảo tính khách quan và minh bạch cũng như để làm sáng tỏ vụ việc, đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc buộc tội và gỡ tội. Cũng tại khoản 5 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 đã quy

định việc bồi thường thiệt hại, xử lý trách nhiệm đối với người thực hiện công vụ gây thiệt hại. Người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

### *1.3.2. Quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*

Trong những năm qua ngành kiểm sát đã thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam góp phần bảo đảm quyền con người, các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người chấp hành án đồng thời phục vụ tốt cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn có những tồn tại, hạn chế nhất định như vẫn để xảy ra một số vụ việc vi phạm nghiêm trọng dẫn đến oan sai và có những vi phạm về chế độ quản lý giam, giữ.

Chức năng, nhiệm vụ chung của Viện kiểm sát nhân dân được quy định tại Điều 2 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 như sau: Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất quy định này được cụ thể hóa tại Điều 22 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

Công tác kiểm sát biện pháp tạm giữ, tạm giam là một trong những khâu công tác nhằm thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Khi thực hiện công tác này, theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn đối với việc tạm tạm giữ, giam theo Điều 22 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014: kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người có thẩm quyền trong việc tạm giữ, tạm giam và khi

kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau: trực tiếp kiểm sát nhà tạm giữ, tạm giam; hỏi người bị giữ, bị tạm giam về việc bị tạm giữ, tạm giam; kiểm sát hồ sơ tạm giữ, tạm giam; yêu cầu trưởng nhà tạm giữ, giám thị trại tạm giam tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân, cung cấp hồ sơ tài liệu có liên quan đến việc tạm giữ, tạm giam, thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam, trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam; quyết định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật; kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền trong việc tạm giữ, tạm giam đình chỉ việc thi hành án, sửa đổi, hủy bỏ quyết định, bổ sung quyết định trong việc tạm giữ, tạm giam; chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật; khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 23 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tạm giữ, tạm giam cụ thể: Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tạm giữ, tạm giam; cơ quan, người có thẩm quyền trong việc tạm giữ, tạm giam phải chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân khiếu nại, tố cáo của người bị tạm giữ, tạm giam trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được khiếu nại, tố cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự khu vực, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi trái pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trách nhiệm kiểm sát của mình. Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với việc giải quyết khiếu nại của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp dưới; quyết định giải quyết khiếu nại của Viện kiểm sát cấp trên là quyết định

có hiệu lực pháp luật; Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về tạm giữ, tạm giam đối với người có thẩm quyền thuộc trách nhiệm kiểm sát của mình. Trường hợp hết thời hạn pháp luật quy định mà tố cáo không được giải quyết thì Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có thẩm quyền giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên là kết luận cuối cùng; Trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong việc tạm giữ, tạm giam được quy định tại Điều 24 Luật tổ chức viện kiểm sát năm 2014 như sau: Trưởng nhà tạm giữ, giám thị trại tạm giam có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định sau đây của Viện kiểm sát nhân dân trong việc tạm giữ, tạm giam, yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc tạm giữ, tạm giam, yêu cầu trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, yêu cầu tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam và thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; quyết định quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 22 Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014 phải thi hành ngay, nếu không nhất trí với quyết định đó thì vẫn phải thi hành, nhưng vẫn có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp trên có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên phải giải quyết; Kháng nghị quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 22 Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014, phải được giải quyết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị, nếu không nhất trí thì có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp trên có thẩm quyền, Viện kiểm sát cấp trên phải giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại; quyết định của Viện kiểm sát cấp trên là quyết định có hiệu lực pháp luật; Đối với kiến nghị quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 22 Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam.

Trách nhiệm trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo đúng quy định của pháp luật và để đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm

của người bị tạm giữ, tạm giam và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng và bảo vệ còn được thể hiện qua các quy định như: quy định về chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát 2014: Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái pháp luật; quy định về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tại điểm b khoản 2 Điều 4 Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014: Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát nhằm đảm bảo việc bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù, chế độ tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật; quyền con người và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù không bị luật hạn chế phải được tôn trọng và bảo vệ.

Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự trong hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân còn được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 6 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hiện quyền công tố trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 12 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014: phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hiện quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được quy định tại khoản 4, 5, 10 Điều 14 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014: phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, gia hạn tạm giam và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, biện pháp ngăn chặn và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền

công dân theo quy định của pháp luật; quyết định gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giữ, thời hạn tạm giam, chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hiện quyền công tố trong giai đoạn truy tố được quy định tại khoản 1, 6 Điều 16 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014: quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của pháp luật, yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn.

### *1.3.3. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*

BLTTHS năm 2015 quy định rất chi tiết, chặt chẽ quyền hạn và cũng là trách nhiệm kiểm sát hoạt động tố tụng của Viện kiểm sát trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Tiêu biểu là ở các Điều 41 nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát; Điều 42 nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên; Điều 43 nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm tra viên.

Vấn đề đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong việc tạm giữ, tạm giam được Đảng, Nhà nước ta quan tâm đặc biệt, vì đây không chỉ là vấn đề quốc gia mà còn là vấn đề quốc tế. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ra đời đã quy định theo hướng buộc các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ, chấp hành đúng các quy định của pháp luật, góp phần bảo đảm pháp chế thống nhất, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của luật pháp trong đời sống xã hội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân được tôn trọng và bảo vệ.

Nội dung áp dụng các quy định của pháp luật đối với người tạm giữ được quy định tại các điều 59, 117, 118 BLTTHS hiện hành; đối với người bị tạm giam được quy định tại các điều 60, 61, 119 BLTTHS hiện hành; riêng đối với người bắt quả tang (tại Điều 111 BLTTHS hiện hành), giữ người trong trường hợp khẩn cấp (tại Điều 110 BLTTHS), bắt truy nã (tại Điều 112 BLTTHS). Cơ quan điều tra có

trách nhiệm giải thích quyền và nghĩa vụ và giao ngay quyết định tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ cho người bị tạm giữ, được thể hiện bằng biên bản giao nhận theo các điều 137, 138 BLTTHS hiện hành. Trước khi hết thời hạn tạm giữ một ngày, Cơ quan điều tra có trách nhiệm xem xét việc có tiếp tục hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Trường hợp xét thấy cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giữ thì Cơ quan điều tra ra lệnh gia hạn thời hạn tạm giữ và đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn.

Sau khi ra lệnh tạm giam bị can theo Điều 119 BLTTHS năm 2015, lệnh bắt bị can để tạm giam được Viện kiểm sát phê chuẩn theo Điều 113 BLTTHS năm 2015 thì thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra thực hiện theo Điều 117 BLTTHS năm 2015; thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố tương ứng với thời hạn quy định tại Điều 240 BLTTHS năm 2015. Trên cơ sở đó Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm giải thích quyền và nghĩa vụ của bị can, đồng thời giao lệnh tạm giam, lệnh bắt tạm giam, các quyết định phê chuẩn, quyết định gia hạn tạm giam cho người bị tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố hoặc Tòa án phải giao ngay lệnh tạm giam bị can, bị cáo trong giai đoạn xét xử cho người bị tạm giam, thể hiện bằng biên bản giao nhận theo các điều 137, 138 BLTTHS năm 2015. Trước khi hết thời hạn tạm giam là 05 ngày Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm xem xét, giải quyết việc tiếp tục hoặc thay đổi hay hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với bị can, bị cáo theo Điều 125 BLTTHS năm 2015; đồng thời phải giao ngay lệnh, quyết định tố tụng đó cho Cơ quan giam giữ và người bị tạm giam trước khi hết thời hạn tạm giam.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật thì những quy phạm trong tạm giữ, tạm giam như: không ra quyết định trả tự do cho người được trả tự do; thực hiện việc bắt giữ, giam người không có căn cứ, trái pháp luật; không chấp hành quyết định trả tự do cho người được trả tự do; thực hiện việc bắt, giữ, giam người khi không có lệnh, quyết định theo quy định của pháp luật hoặc có lệnh, quyết định nhưng không có hiệu lực thi hành; không có lệnh, quyết định gia hạn tạm giữ, tạm giam hoặc thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giữ, tạm giam, khi đã hết

thời hạn tạm giữ, tạm giam dẫn đến người bị tạm giữ, tạm giam, bị giam giữ quá hạn phải được xem xét trách nhiệm hình sự theo Điều 337 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền tha trái pháp luật đối với người bị tạm giữ, tạm giam phải được xem xét trách nhiệm hình sự theo Điều 378 BLHS (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

### **Tiểu kết Chương 1**

Biện pháp tạm tạm giữ, tạm giam có vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết các vụ án hình sự, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, củng cố, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thể hiện được bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự kiên quyết trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm; đảm bảo cho trật tự xã hội được ổn định, pháp luật được giữ vững, chế độ xã hội chủ nghĩa được bảo vệ và các quyền cũng như lợi ích hợp pháp của công dân được tôn trọng và bảo vệ.

Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam không chỉ nhằm đạt mục đích của tố tụng hình sự mà còn nhằm đảm bảo sự tôn trọng quyền con người, các quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận, nhất là đảm bảo không một người nào bị tạm giữ, tạm giam trái pháp luật.

Việc áp dụng đúng biện pháp tạm giữ, tạm giam sẽ tạo điều kiện cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đạt hiệu quả cao nhất, tạo niềm tin vào công lý của nhân dân và ngược lại, nếu việc áp dụng các biện pháp này không đúng theo quy định của pháp luật có thể xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích chính đáng của người bị áp dụng và có tác động xấu đến xã hội, gây mất lòng tin của nhân dân vào công lý và đặc biệt dẫn đến oan sai, ảnh hưởng đến hình ảnh của cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Viện kiểm sát nhân dân nói riêng.

Qua nghiên cứu cho thấy hoạt động kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đã được pháp luật quy định rất chặt chẽ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền của cơ quan và người có thẩm quyền áp dụng, trong đó Viện kiểm sát thực hiện chức năng và có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn quan trọng này.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ, TẠM GIAM TỪ THỰC TIỄN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

#### **2.1. Thực trạng chung về việc tạm giữ, tạm giam**

##### **Sơ lược quá trình hình thành và phát triển các quy định về tạm giữ, tạm giam trong tổ tụng hình sự Việt Nam**

Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 0/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản tuyên ngôn độc lập là văn kiện chính trị, pháp lý, lịch sử quan trọng, đánh dấu một chương mới trong lịch sử dân tộc đồng thời cũng là cơ sở để hình thành hàng loạt các thiết chế mới của nhà nước mới.

##### **Giai đoạn 1945 – 1959**

Đây là giai đoạn chính quyền cách mạng quy định một loạt thiết chế bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ thành quả cách mạng, và trong đó có thiết chế về trại giam. Nhà nước đã ban hành các sắc lệnh như: Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946, Sắc lệnh số 150/SL ngày 07/11/1950 của Chính phủ quy định về tổ chức trại giam, Nghị định liên bộ số 152-NV/6 ngày 12/6/1951 của Bộ Nội vụ về quy tắc trại giam và một số thông tư, nghị định khác quy định về kiểm sát tạm giữ, tạm giam.

Như vậy, thiết chế trại giam và giám sát trại giam đã ra đời ngay từ những ngày đầu thành lập chính quyền cách mạng với cơ chế giám sát đầy đủ trong việc chấp hành pháp luật trong giam giữ, tuân thủ pháp luật trong căn cứ giam giữ... những quy định, nhằm kịp thời phát hiện sai lầm trong việc chấp hành luật lệ của cơ quan giữ, giam người đã được giao cho Viện công tố đảm nhận.

##### **Giai đoạn 1960 – 1979**

Trên cơ sở Hiến pháp năm 1959, năm 1960 Viện kiểm sát ra đời. Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân năm 1960 đã quy định chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của viện kiểm sát nhân dân. Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 1960 đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Theo quy định tại Điều 20 Luật tổ chức Viện kiểm sát năm

1960: “Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật về giam giữ, đảm bảo ... pháp luật về giam giữ được chấp hành đúng đắn”.

Giai đoạn 1980 – 1991

Hiến pháp năm 1980 ra đời, nước ta được đổi tên thành nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam như ngày nay. Tại Điều 69 Hiến pháp năm 1980 đã ghi nhận nhiều quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền bất khả xâm phạm về thân thể: “Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể... Nghiêm cấm mọi hình thức bức cung, nhục hình”. Để đảm bảo thực hiện Điều 69 Hiến pháp năm 1980, Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 1981 đã ra quy định “Công tác kiểm sát giam, giữ và cải tạo” trong Chương VI với những quy định cụ thể hơn về công tác giữ, giam người, đối tượng kiểm sát giam, giữ và cải tạo. Luật này cũng quy định rõ quyền của Viện kiểm sát “Thường kỳ và bất thường kỳ kiểm sát tại chỗ các nơi giam, giữ, cải tạo”, quyết định trả tự do cho người giam, giữ không có căn cứ và trái với pháp luật; quyền kiến nghị, kháng nghị với cơ quan đồng cấp....

Giai đoạn 1992 – 2001

Hiến pháp năm 1992 và Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 1992 quy định Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ...

Nghị quyết 08 – NQ/TW của Bộ chính trị tiếp tục ghi rõ “Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp...”. Như vậy, từ giai đoạn này, phạm vi kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân theo hiến pháp: Viện kiểm sát nhân dân các cấp chỉ kiểm sát các hoạt động tư pháp trong đó có hoạt động tố tụng hình sự

Giai đoạn 2002 đến nay

Về cơ sở pháp lý, Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2002 đã có bước phát triển tiến bộ, khẳng định rõ hai chức năng của Viện kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, theo đó, kiểm sát tạm giữ, tạm giam, kiểm sát công tác quản lý và giáo dục người đang chấp hành hình phạt tù là một bộ

phân tạo thành công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Hiến pháp năm 2013 ra đời thay thế Hiến pháp năm 1992 và tiếp đó, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014 được ban hành đã quy định cụ thể về vị trí, vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của Viện kiểm sát với tư cách cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trong đó có kiểm sát tạm giữ, tạm giam, kiểm sát công tác, quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù quy định từ Điều 22 đến Điều 26 bằng những quy định chi tiết, cụ thể về từng nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát tạm giữ, tạm giam và còn bổ sung thêm nội dung giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tạm giữ, tạm giam.

### **Sơ lược về tình hình kinh tế - xã hội quận Bình Tân**

Quận Bình Tân được thành lập ngày 05/11/2003 theo Nghị định số 230/2003/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở tách 03 xã (Bình Trị Đông, Bình Hưng Hòa, Tân Tạo) và thị trấn An Lạc của huyện Bình Chánh. Sau khi thành lập, quận có 10 phường. Chặng đường hơn 14 năm từ một quận vùng ven nay trở thành khu đô thị văn minh, hiện đại, nằm ở vị trí phía tây thành phố với nhiều khu công nghiệp như Tân Tạo, Vĩnh Lộc, Tân Bình và tập đoàn Pouyeng; giao thông qua địa bàn quận còn có quốc lộ 1A chạy theo hướng Bắc – Nam nối với các tỉnh miền Tây Nam Bộ nên quận Bình Tân có vị trí quan trọng về an ninh – kinh tế - quốc phòng.

Với tổng diện tích 52km<sup>2</sup>, dân số hơn 650.000 người, giai đoạn sau khi chia tách Bình Tân đối mặt với thách thức lớn từ cơ sở vật chất hạ tầng yếu kém, thiếu thốn nhân lực và nguồn vốn, dân số tăng nhanh về cơ học... Kết quả thực tế sau 14 năm thành lập cho thấy những bước tiến đầy ấn tượng của quận Bình Tân, đặc biệt là thời gian hơn 10 năm trở lại đây. Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác quản lý đô thị trên địa bàn quận Bình Tân thời gian qua chịu áp lực và thách thức từ tỉ lệ tăng dân số cơ học luôn ở mức cao, kéo theo nhiều nguy cơ tiềm ẩn, từ vấn đề nguồn nước, sinh hoạt, tình hình an ninh trật tự và an sinh xã hội.

### 2.1.1. Thực trạng tạm giữ người

Tạm giữ người là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự được áp dụng trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang (và cả đối với người bị bắt theo lệnh truy nã) với mục đích để Cơ quan điều tra có đủ thời gian để kiểm tra, xác minh những thông tin, thu thập chứng cứ về tội phạm cũng như những tình tiết về lời khai của người bị bắt để quyết định khởi tố vụ án hình sự, trả tự do hay áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

**Bảng 2.1. Thực trạng tạm giữ tại quận Bình Tân từ năm 2013 đến năm 2017**

STT	Năm	Tổng số người bị tạm giữ	Tổng số bị can bị khởi tố	Số người bị tạm giữ không bị khởi tố	Tỷ lệ phần trăm (%) số bị can bị khởi tố (so với người bị tạm giữ)
1	2013	721	579	142	Chiếm 80,3%
2	2014	670	542	128	Chiếm 80,9%
3	2015	584	475	109	Chiếm 81,3%
4	2016	572	484	88	Chiếm 84,6%
5	2017	340	292	48	Chiếm 85,9%

Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Theo bản số liệu có thể rút ra một số nhận xét sau:

Về việc tạm giữ được thực hiện theo pháp luật, tuy số lượng người bị tạm giữ giảm từ năm 2013 là 721 người đến năm 2017 là 340 người, nhưng số lượng khởi tố tăng lên từng năm, từ năm 2013 số lượng người tạm giữ bị khởi tố 579 người chiếm 80,3%, từ năm 2014 số người tạm giữ bị khởi tố là 542 người chiếm 80,9%, từ năm 2015 số người tạm giữ bị khởi tố là 475 người chiếm 81,3%, từ năm 2016 số người tạm giữ bị khởi tố chiếm 84,6%, năm 2017 số người tạm giữ bị khởi tố chiếm 85,9%. Tỷ lệ số người tạm giữ bị khởi tố tăng dần qua các năm từ năm 2013 đến năm 2017 lần lượt là 80,3%, 80,9%, 81,3%, 84,6%, 85,9%. Qua số liệu

trên cho thấy việc áp dụng biện pháp tạm giữ người được thực hiện ngày càng chặt chẽ hơn, thủ tục về bắt người để tạm giữ và chấp hành thời hạn tạm giữ đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện nghiêm túc hơn, hạn chế những vi phạm như việc bắt tạm giữ không có căn cứ, để quá hạn tạm giữ. Tuy vậy, số lượng người bị tạm giữ không khởi tố có giảm nhưng vẫn còn cao, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc tạm giữ và đảm bảo quyền lợi của người bị tạm giữ

Một số hạn chế tồn tại trong tạm giữ:

*Một là*, việc tạm giữ hình sự và tạm giữ hành chính còn chưa rõ ràng trong việc phân định. Trong khi tạm giữ hành chính và tạm giữ tố tụng hình sự còn lẫn lộn và còn có biểu hiện hình sự hóa vi phạm hành chính từ khâu giam giữ; việc tạm giữ còn là một hình thức để cán bộ điều tra sử dụng nhằm “Cảnh cáo, nắn gân” các đối tượng, lấy tạm giữ thay cho điều tra, xác minh.

*Hai là*, một số trường hợp điều tra viên áp dụng biện pháp tạm giữ thông qua hình thức triệu tập các đối tượng nghi ngờ nào đó rồi đề xuất việc tạm giữ, dẫn đến việc tạm giữ không đúng đối tượng. Cũng có trường hợp triệu tập đối tượng nghi vấn để tạm giữ lấy lời khai trong khi chưa xác minh điều tra vụ việc. Ví dụ về vụ giao cấu trẻ em sau đây: theo đơn tố cáo của bà T.T.K.X mẹ của người bị hại là em P.T.K.T sinh năm: 1999, tố cáo N.T.S có hộ khẩu thường trú tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, về hành vi hiếp dâm con mình. Theo trường trình sự việc thì từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2014, bị can N.T.S nhiều lần đi chơi qua đêm với em P.T.K.T nên mẹ của em P.T.K.T làm đơn tố cáo N.T.S gửi đến Công an phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Công an phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, đã triệu tập người bị tố cáo lên Công an phường xét hỏi,...khi chưa điều tra xác minh trước đó.

*Ba là*, về việc áp dụng biện pháp tạm giữ vẫn còn bị lạm dụng dẫn đến số người không bị khởi tố còn cao, trong khi một số trường hợp không cần tạm giữ để điều tra nhưng cán bộ điều tra lại áp dụng biện pháp tạm giữ, nhất là trong các trường hợp trộm cắp tài sản số lượng nhỏ, thiệt hại không lớn có thể chỉ bị phạt hành chính.

### 2.1.2. Thực trạng tạm giam người

Trong các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự thì tạm giam là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất. Biện pháp này tước đi quyền tự do của con người và hạn chế quyền công dân trong một khoảng thời gian nhất định, hạn chế quyền và nghĩa vụ nhất định của người bị tạm giam. Việc áp dụng biện pháp tạm giam không chỉ sẽ tác động đến chế độ, chính sách đối với người bị áp dụng mà còn liên quan đến tình hình quá tải của trại tạm giam, đến góc nhìn nhận của xã hội nhất là về nhân tố bảo đảm quyền con người.

Mặc khác, áp dụng biện pháp tạm giam đúng theo quy định của pháp luật, đúng trường hợp cần thiết sẽ tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra, Cơ quan tư pháp khác xác minh, thu thập chứng cứ, trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự.

**Bảng 2.2. Số bị can bị khởi tố và bắt tạm giam từ năm 2013 đến năm 2015 tại quận Bình Tân**

STT	Năm	Số bị can bị khởi tố	Số bị can bị tạm giam	Tỷ lệ phần trăm (%) số người bị tạm giam
1	2013	579	339	Chiếm 58,5%
2	2014	542	371	Chiếm 68,4%
3	2015	475	251	Chiếm 52,84%
4	2016	484	249	Chiếm 51,4%
5	2017	292	171	Chiếm 58,6%

Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Qua số liệu tổng kết trên có thể rút ra được một số nhận xét sau:

Số bị can bị khởi tố đã giảm qua từng năm; từ năm 2013 có 579 người bị khởi tố đến năm 2017 còn 292 người, giảm 287 người (giảm 54,2%).

Số lượng bị can bị tạm giam cơ bản là giảm; từ năm 2013 là 339 bị can đến năm 2017 là 171 bị can, giảm 168 bị can; như vậy tỷ lệ giảm trong bốn năm là 49,5%.

Số bị can bị tạm giam so với số bị can bị khởi tố không ổn định, có tăng và có giảm; từ năm 2013 đến 2014, số bị can bị tạm giam so với số bị can bị khởi tố tăng từ 58,5% lên đến 68,4%, (tăng 9,9%). Từ năm 2014 đến năm 2015 số bị can bị tạm giam so với số bị can bị khởi tố giảm từ 68,4% xuống còn 52,84%, (giảm 15,56%). Từ năm 2015 đến năm 2016 số bị can bị tạm giam so với số bị can bị khởi tố 52,84% giảm xuống 51,4%, (giảm 1,44%). Từ năm 2016 đến năm 2017 số bị can bị tạm giam so với số bị can bị khởi tố tăng từ 51,4 lên đến 58,6% (tăng 7,2%).

Một số tồn tại hạn chế trong công tác tạm giam:

*Một là*, vướng mắc trong quy định về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra. Quy định về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra vẫn không thống nhất với nhau làm cho việc áp dụng trên thực tế gặp những khó khăn nhất định. Theo quy định tại Điều 119 BLTTHS năm 2015 quy định thời hạn điều tra (kể cả gia hạn) là 04 tháng đối với tội ít nghiêm trọng, 08 tháng đối với tội nghiêm trọng; 12 tháng đối với tội rất nghiêm trọng; 16 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng. trong khi đó tại Điều 120 BLTTHS năm 2015 quy định thì thời hạn tạm giam để điều tra (kể cả gia hạn) không quá 03 tháng đối với tội ít nghiêm trọng; 06 tháng đối với tội nghiêm trọng; 09 tháng đối với tội rất nghiêm trọng; 16 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng.

*Hai là*, thực tế trại tạm giam luôn trong tình trạng quá tải; vì vậy, việc phân loại đối tượng tạm giam chưa thực hiện đúng theo quy định của luật tạm giữ, tạm giam hiện hành.

*Thứ ba*, dựa vào tài liệu điều tra thu thập được, tình trạng để bị can suy kiệt sức khỏe hoặc bị bệnh hiểm nghèo phải tạm giam đã được kiểm soát chặt chẽ, song việc xác định tình trạng bệnh hiểm nghèo, truyền nhiễm nguy hiểm gặp nhiều khó khăn, nhiều trường hợp lĩnh vực chuyên môn chưa đủ điều kiện để kết luận, xác định.

2.1.3. *Thực trạng Viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam*

**a. Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp tạm giữ**

**Bảng 2.3. Số người bị Cơ quan cảnh sát điều tra áp dụng biện pháp tạm giữ trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh**

STT	Năm	Tổng số tạm giữ	Trường hợp bắt						
			Khẩn cấp	Quả tang	Truy nã	Tự thú	Đầu thú	Cũ chuyển sang	Nơi khác đến
1	2013	721	135	268	50	00	26	107	135
2	2014	670	113	307	25	00	35	78	112
3	2015	584	93	362	30	00	32	00	67
4	2016	572	109	365	25	00	39	00	34
5	2017	340	86	172	12	00	35	00	35
	Tổng cộng	2.887	536	1.474	142	00	167	185	383

Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Qua số liệu trên cho thấy đa số các trường hợp bắt đều chuyển sang biện pháp tạm giữ. Trong kỳ có 121 trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn biện pháp tạm giữ. Trong các trường hợp còn lại việc áp dụng biện pháp tạm giữ nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh để có căn cứ xác định hành vi phạm tội của người bị bắt.

Trong tổng số 2.887 người bị tạm giữ thì trong đó có 237 trường hợp sau khi hết thời hạn tạm giữ phải xử lý hành chính. Nhiều trường hợp đó vì người bị hại không hợp tác, từ chối giám định thương tích, giám định thiệt hại tài sản nên không có căn cứ để xử lý hình sự, một số trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại nhưng bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố nên vụ việc không xử lý hình sự được, Cơ quan điều

tra tiếp tục đề nghị gia hạn 382 trường hợp để có thời gian điều tra, xác minh làm căn cứ cho việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Viện kiểm sát không phê chuẩn 39 trường hợp vì nhiều lý do khác nhau, cơ bản là việc tiếp tục tạm giữ là không cần thiết khi hành vi phạm tội của người bị giữ đã rõ, trong đó có 30 trường hợp sau đó Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam, 09 trường hợp trả tự do.

Ví dụ trường hợp điển hình sau:

Nguyễn Thanh Tùng tổ chức cho Trương Văn Hiếu, Trần Thanh Phương, Lê Thành Nhân, Mạc Văn Hoàng, Nguyễn Thị Diễm Châu, Hà Thị Thắm, Trần Thị Mỹ Phương, Lý Thị Kiều Trinh, Nguyễn Hoàng Sang, Nguyễn Tấn Toàn, Lê Phước Thịnh, Nguyễn Hoàng Quân đánh bạc ăn thua bằng hình thức xóc đĩa. Khi đang chơi thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận bắt quả tang Nguyễn Thanh Tùng đang nhận tiền xâu và 12 triệu trên chiếu bạc và cùng các đối tượng tham gia đánh bạc.

Quá trình tạm giữ lấy lời khai, các đối tượng đánh bạc các đã khai nhận hành vi đánh bạc của mình và 12 triệu đồng trên chiếu bạc là của các đối tượng đánh bạc; Cơ quan điều tra đã gia hạn tạm giữ lần một đối với các đối tượng trên.

Qua nghiên cứu hồ sơ, Viện kiểm sát cho rằng, Nguyễn Thanh Tùng có vai trò quan trọng, chủ mưu, tổ chức cho các đối tượng đánh bạc, còn Trương Văn Hiếu, Nguyễn Hoàng Sang, Nguyễn Thị Diễm Châu, Nguyễn Tấn Toàn đã có tiền án về hành vi đánh bạc và còn trong thời hạn thử thách. Riêng các đối tượng còn lại lần đầu phạm tội và thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lý lịch, địa chỉ rõ ràng, tội phạm ít nghiêm trọng và xét thấy hồ sơ vụ việc đã rõ nên Viện kiểm sát không phê chuẩn các quyết định gia hạn tạm giữ đối với các đối tượng Trần Thanh Phương, Lê Thành Nhân, Mạc Văn Hoàng, Hà Thị Thắm, Trần Thị Mỹ Phương, Lý Thị Kiều Trinh, Lê Phước Thịnh, Nguyễn Hoàng Quân, vì vậy Cơ quan điều tra đã thay đổi biện pháp tạm giữ sang biện pháp bảo lãnh.

Biện pháp Tạm giữ đã tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra trong việc tiến hành điều tra, xác minh kịp thời về vụ việc có dấu hiệu tội phạm, để có căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Tuy nhiên, có một số trường hợp Cơ quan điều tra có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác thay cho tạm giữ như: bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng thực tế Cơ quan điều tra vẫn thường áp dụng biện pháp tạm giữ và tiếp tục gia hạn tạm giữ.

Điều 87 BLTTHS năm 2003 (cũng như Điều 118 BLTTHS năm 2015) chưa quy định trước khi hết thời hạn tạm giữ là bao nhiêu thời gian thì Cơ quan điều tra phải chuyển hồ sơ đề nghị phê chuẩn gia hạn tạm giữ mà chỉ quy định thời hạn 12 giờ Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn nên trong thực tiễn có trường hợp chỉ còn khoảng 03 giờ là hết thời hạn tạm giữ thì Cơ quan điều tra mới chuyển hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát gia hạn tạm giữ do đó Viện kiểm sát còn rất ít thời gian để nghiên cứu hồ sơ, trong khi hồ sơ lại phức tạp, có nhiều đối tượng trong một vụ.

### **b. Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp tạm giam**

Biện pháp ngăn chặn tạm giam trong tố tụng hình sự là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất, tước đi quyền tự do của con người và hạn chế quyền công dân trong một khoảng thời gian nhất định.

Đây là biện pháp ngăn chặn hạn chế quyền con người, quyền công dân ở mức độ cao nhất. Vì vậy, điều kiện áp dụng biện pháp này phải hết sức chặt chẽ, cả về người có thẩm quyền, thủ tục, căn cứ. Tuy nhiên, trong BLTTHS năm 2015 quy định còn rất chung, không chi tiết cụ thể, người có thẩm quyền bắt tạm giam rộng nên dễ dẫn đến lạm dụng việc tạm giam, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích cơ bản của công dân.

**Bảng 2.4. Số người bị Cơ quan điều tra tạm giam trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh**

STT	Năm	Tổng số người bị khởi tố	Tổng số người tạm giam	Trong đó	
				Tạm giữ chuyển sang tạm giam	Bắt tạm giam
01	2013	579	339	198	141
02	2014	542	371	203	168
03	2015	475	251	186	65
04	2016	484	249	195	54
05	2017	292	171	96	75
	Tổng cộng	2.372	1.381	878	503

Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Số liệu trên cho thấy tỷ lệ tạm giữ chuyển sang tạm giam chiếm 63,6% tổng số tạm giam; bắt tạm giam chiếm 36,4%. Các trường hợp bắt tạm giam chủ yếu thuộc các vụ việc ban đầu chưa xác định đối tượng gây án, sau khi xác minh, điều tra có đủ căn cứ khởi tố mới bắt tạm giam. Số bị can tạm giam cũng phản ánh tỉ lệ 58,2% so với tổng số bị can bị khởi tố là ở mức trung bình, điều này nói lên Cơ quan điều tra đã thận trọng để không lạm dụng trong việc áp dụng biện pháp này, vì biện pháp này ảnh hưởng rất lớn đến quyền tự do của công dân.

Viện kiểm sát không phê chuẩn 74 trường hợp bắt tạm giam, 171 trường hợp không phê chuẩn lệnh tạm giam. Trường hợp 171 không phê chuẩn lệnh tạm giam (thuộc các nhóm tội như: cố ý gây thương tích, cố ý gây thương tích do vượt quá phòng vệ chính đáng, hủy hoại tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đánh bạc); 245 trường hợp bắt tạm giam và tạm giam mà Viện kiểm sát không phê chuẩn thuộc các trường hợp chưa có căn cứ bảo đảm, còn lạm dụng bắt giam của Cơ quan điều tra.

Ví dụ điển hình, thứ nhất:

Ngày 29/4/2014 Nguyễn Văn Hận và Nguyễn Văn Thắng hai anh em ruột, trên đường đi chơi về phát hiện anh Lê Hoàng Phong đang đi làm về Hận và Thắng cho rằng anh Phong đã đánh em trai của Hận và Thắng nên cả hai tiến đến hỏi chuyện. Do anh Phong không thừa nhận nên Thắng đã nhặt khúc gỗ dài khoảng 80cm bên đường đánh vào người Phong nhưng Phong né kịp. Hận thấy vậy nhặt viên gạch ông ven đường ném về phía Phong và trúng vào đầu Phong làm Phong té ngã Thắng tiếp tục dùng cây đánh vào người Phong. Trong lúc té ngã Phong nhặt được cục đá đánh về hướng Thắng và Hận thì trúng vào đầu Thắng, gây thương tích chảy máu và bất tỉnh. Khi thấy Thắng bất tỉnh Phong ném cục đá vào lề đường và bỏ chạy. Sau đó, Cơ quan điều tra ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Phong. Kết quả giám định, Thắng bị thương tích 45% còn Phong bị thương tích 9%. Cơ quan điều tra tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phong về tội “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” quy định tại Điều 106 BLHS năm 1999 và đồng thời ra lệnh tạm giam đối với Phong.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát thấy rằng Phong đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình; tính chất, mức độ, hậu quả mà Phong gây ra là ít nghiêm trọng, về lý lịch nhân thân: Phong có địa chỉ rõ ràng, nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, nguyên nhân phạm tội là do lỗi của người bị hại, bản thân Phong cũng là người bị hại. Vì vậy, việc Cơ quan điều tra cho rằng cần áp dụng biện pháp tạm giam để ngăn ngừa Phong bỏ trốn, gây khó khăn cho việc điều tra là không có căn cứ. Vì những lẽ trên, Viện kiểm sát không phê chuẩn Lệnh tạm giam đối với Phong.

Ví dụ điển hình thứ hai:

Ngày 27/9/2016 Nguyễn Chí Bình, Nguyễn Quốc Tâm bị bắt quả tang hành vi đánh bạc bằng hình thức đá gà với số tiền tang vật thu được là 5.000.000 đồng nên cả hai bị tạm giữ. Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh tạm

giám đối với Bình và Tâm về tội “Đánh bạc” nhằm ngăn ngừa cả hai bỏ trốn, cản trở điều tra và tiếp tục phạm tội.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát cho rằng Bình và Tâm phạm tội ít nghiêm trọng, Bình có lý lịch nhân thân, địa chỉ rõ ràng, Tâm mặc dù có một tiền án nhưng cũng có lý lịch, địa chỉ rõ ràng, cả hai đều được gia đình có đơn xin bảo lãnh. Vì vậy, việc Cơ quan điều tra cho rằng Bình và Tâm có thể bỏ trốn gây cản trở cho việc điều tra là không có căn cứ, chủ quan và lạm dụng việc tạm giam nên Viện kiểm sát đã không phê chuẩn lệnh tạm giam.

Ví dụ điển hình thứ ba:

Ngày 17/5/2015, Nguyễn Ngọc Tú đã trộm cắp 01 chiếc xe máy trị giá 9.000.000 đồng rồi đem bán cho Nguyễn Tấn Đạt thì bị bắt quả tang và Tú và Đạt bị tạm giữ. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Tú về “Tội trộm cắp tài sản”, đối với Đạt về tội “Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với lý do, Tú là đối tượng có nhiều tiền án, hiện chưa được xóa án tích, Đạt là người đã chuyển hộ khẩu thường trú đến địa phương khác nhưng lấy vợ ở địa phương hơn hai năm nên để đảm bảo việc Tú và Đạt không bỏ trốn và tiếp tục phạm tội cần áp dụng biện pháp tạm giam.

Đối với Đạt, Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh tạm giam vì Đạt có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, mặc dù không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng trước đây Đạt cũng là người địa phương và hiện nay đã có vợ, đăng ký tạm trú tại địa phương và được bảo lãnh; vì vậy việc cho rằng Đạt không có địa chỉ cư trú rõ ràng để làm căn cứ tạm giam là không có căn cứ. Trường hợp đối với Tú, Viện kiểm sát đồng ý phê chuẩn Lệnh tạm giam.

### c. Biện pháp tạm giam do Tòa án áp dụng

**Bảng 2.5. Số người bị Viện kiểm sát truy tố và Tòa án áp dụng biện pháp tạm giam trong thời gian từ tháng 12/2013 đến tháng 12/2017 trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh**

STT	Năm	Bị can bị truy tố	Bị can bị tạm giam
01	2013	489	339
02	2014	472	371
03	2015	426	251
04	2016	398	249
05	2017	242	171
	Tổng cộng	2.027	1.381

Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Trong số 1.381 bị can (Bảng 2.4) bị Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp tạm giam, khi kết thúc điều tra, hồ sơ chuyển Viện kiểm sát truy tố, Viện kiểm sát đã thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp bảo lãnh là 241 trường hợp.

Trong số 1.140 bị can đang áp dụng biện pháp tạm giam, Tòa án đã thay đổi biện pháp tạm giam sang biện pháp bảo lãnh là 252 trường hợp và tiến hành bắt bị can để tạm giam phục vụ xét xử là 456 trường hợp. Như vậy, tổng số người tạm giam trong giai đoạn xét xử của Tòa án là 1.344 người.

Hồ sơ Viện kiểm sát truy tố có bị can hết thời hạn tạm giam đa phần Tòa án tiếp tục ra Lệnh tạm giam. Các trường hợp tạm giam này đều đúng căn cứ, thủ tục, thẩm quyền nên không có trường hợp nào Viện kiểm sát ra quyết định trả tự do.

## **2.2. Thực trạng Viện kiểm sát quận Bình Tân thực hiện chức năng kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017**

### *2.2.1. Thực trạng Viện kiểm sát phê chuẩn các quyết định tạm giữ, tạm giam*

Bảng 2.6 cho thấy thực trạng Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp; không phê chuẩn gia hạn tạm giữ; không phê chuẩn gia hạn tạm giam; không phê chuẩn lệnh tạm giam trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

**Bảng 2.6. Viện kiểm sát không phê chuẩn các lệnh**

Năm	Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh tạm giữ	Viện kiểm sát không phê chuẩn gia hạn tạm giữ	Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam	Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh tạm giam
2013	32	12	17	49
2014	29	9	15	23
2015	17	5	10	19
2016	21	8	21	29
2017	22	5	11	51
Tổng	121	39	74	171

Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Từ bảng thống kê trên có thể rút ra một số nhận xét sau:

Các quy định của pháp luật tố tụng hình sự chưa được Cơ quan điều tra vận dụng chính xác vào việc tạm giữ, gia hạn tạm giữ, bắt tạm giam, tạm giam. Cơ quan điều tra có các văn bản không được Viện kiểm sát phê chuẩn về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này cần phải xem xét, rút kinh nghiệm về đề xuất của mình theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Kết quả như trên cho thấy vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc giám sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam. Qua đó Cơ quan điều tra phải xem xét cẩn thận căn cứ, trình tự, thủ tục, quá trình áp dụng pháp luật, nhằm hạn chế thấp nhất oan sai xảy ra trong quá trình áp dụng. Việc không phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với các quyết định, lệnh tạm giữ, tạm giam là cơ sở để

Cơ quan điều tra rút kinh nghiệm cho những trường hợp tương tự sau này.

Từ những hiệu quả trên cho thấy, việc phân tích trên việc phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với các quyết định, lệnh tạm giữ, tạm giam có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của Cơ quan điều tra, góp phần đảm bảo cho việc tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, tránh được tình trạng tạm giữ, tạm giam một cách tùy tiện trái pháp luật, xâm phạm đến quyền con người, quyền tự do của công dân.

Một số tồn tại, hạn chế của Viện kiểm sát trong công tác phê chuẩn các quyết định tạm giữ, tạm giam.

*Một là*, từ những sai sót của Cơ quan điều tra trong quá trình áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam không đúng theo quy định của pháp luật, nhiều trường hợp đã gây khó khăn cho Viện kiểm sát trong công tác phê chuẩn.

*Hai là*, trình độ, chuyên môn, năng lực, nghiệp vụ của một số kiểm sát viên chưa vững, vẫn còn một số trường hợp giao phó cho Cơ quan điều tra thực hiện một số thủ tục, thay vì những thủ tục đó do Viện kiểm sát phối hợp thực hiện như: lấy lời khai bị can, trực tiếp xuống hiện trường vụ án, kiểm tra chứng cứ...

*Ba là*, quy định của pháp luật tổ tụng hình sự còn chồng chéo, chưa rõ ràng, thống nhất, có nhiều vướng mắc gây nhầm lẫn về thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm, cũng như quy định giữa thời hạn điều tra với thời hạn gia hạn tạm giam để điều tra hay thời hạn chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát xét phê chuẩn, thời hạn Viện kiểm sát phê chuẩn... chưa thống nhất.

*2.2.2. Thực trạng Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tạm giữ, tạm giam*

**a. Thực trạng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tạm giữ, tạm giam**

**Bảng 2.7. Thực trạng kiểm sát việc tạm giữ từ năm 2013 đến năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh**

Nội dung kiểm sát	2013	2014	2015	2016	2017
Số người không được phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp nên không thể tạm giữ	98	101	136	125	151
Số người không được phê chuẩn quyết định tạm giữ	75	89	95	54	151
Số lần kiểm sát tạm giữ	289	350	389	395	410
Số kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm	05	07	05	04	02
Trong đó: số kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	05	07	05	04	02
Số kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm	31	28	17	13	09
Trong đó số kháng nghị được khắc phục sửa chữa	30	28	17	13	09

Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Qua bản tổng kết trên có thể rút ra một số nhận xét sau:

Số quyết định, lệnh mà Viện kiểm sát không phê chuẩn cơ bản năm sau cao hơn năm trước, từ năm 2013 là 98 trường hợp, đến năm 2017 là 151 trường hợp, tăng 53 trường hợp. Tuy nhiên, trong năm 2016 có giảm hơn so với năm 2015 là 11 trường hợp. Số Trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ năm 2013 là 75, đến năm 2014 là 89 trường hợp, năm 2015 là 95 trường hợp tăng 20 trường hợp; tuy nhiên từ năm 2015 đến năm 2016 giảm 41 trường hợp; nhưng từ năm 2016 đến năm 2017 tăng 97 trường hợp, như vậy trung bình từ năm 2013 đến năm 2017 tăng 76 trường hợp.

Số lần Viện kiểm sát kiểm sát tạm giữ tăng liên tục theo từng năm từ năm 2013 là 289 lần kiểm sát và đến năm 2017 là 410 lần kiểm sát, như vậy đã tăng 121

lần kiểm sát tạm giữ. Số kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm là 100% được chấp nhận sửa chữa. Số lần kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm và số kiến nghị được khắc phục của năm 2013 là 31/30, năm 2014 là 28/28, năm 2015 là 17/17, năm 2016 là 13/13, năm 2017 là 09/09 trường hợp, như vậy số lần kiến nghị khắc phục và được chấp nhận khắc phục là ngang nhau (trừ năm 2013 có 01 trường hợp không khắc phục).

**b. Thực trạng kiểm sát thi hành án hình sự tại nhà tạm giữ**

**Bảng 2.8. Thực trạng kiểm sát thi hành án hình sự tại nhà tạm giữ từ năm 2013 đến năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh**

Nội dung kiểm sát	2013	2014	2015	2016	2017
Số nhận ủy thác	50	55	00	00	00
Số đã thi hành	511	489	330	330	273
Số chưa thi hành	39	58	48	48	42
Hoãn thi hành	09	12	13	13	12
Trốn, Công an đã ra lệnh truy nã	12	24	30	30	29
Trốn, Công an chưa ra lệnh truy nã	05	3	05	05	01
Số tạm đình chỉ	00	00	07	07	00

*Nguồn: Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh*

Qua số liệu và hoạt động mà Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tiến hành kiểm sát nêu trên, có thể rút ra được một số nhận xét như sau:

Số phạm nhân nhận ủy thác từ năm 2013 là 50 phạm nhân, năm 2014 là 55 phạm nhân, các năm còn lại không có phạm nhân nhận ủy thác, như vậy từ năm 2013 đến năm 2015 tăng thêm 5 phạm nhân. Số phạm nhân đã thi hành án nhìn chung có giảm, năm 2013 là 511 phạm nhân, đến năm 2017 còn 273 phạm nhân (giảm 238 phạm nhân), riêng năm 2015 và năm 2016 giữ nguyên 330 phạm nhân. Số phạm nhân đã thi hành án giảm là do số phạm nhân mới giảm kéo theo số phạm nhân đã thi hành giảm. Số phạm nhân chưa thi hành từ năm 2013 là 39 phạm nhân,

đến năm 2014 là 58 phạm nhân (tăng 19 phạm nhân), từ năm 2014 đến năm 2015 giảm 10 phạm nhân, từ năm 2015 đến năm 2016 vẫn giữ nguyên số phạm nhân chưa thi hành án, từ năm 2016 đến 2017 giảm 06 phạm nhân. Số phạm nhân hoãn thi hành trong năm 2013 là 09 phạm nhân, năm 2014 là 12 phạm nhân (tăng 03 phạm nhân), từ năm 2014 đến năm 2015 tăng 01 phạm nhân, từ năm 2015 đến năm 2016 giữ nguyên 13 phạm nhân không tăng, từ năm 2016 là 13 phạm nhân đến năm 2017 là 12 phạm nhân giảm 01 phạm nhân. Số phạm nhân trốn Công an đã ra lệnh truy nã trong năm 2013 là 12 phạm nhân đến năm 2014 là 24 phạm nhân, tăng 12 phạm nhân, từ năm 2014 đến năm 2015 là 30 phạm nhân, tăng 26 phạm nhân, từ năm 2015 đến năm 2016 vẫn giữ nguyên là 30 phạm nhân không tăng, năm 2016 là 30 phạm nhân đến năm 2017 là 29 phạm nhân, giảm 01 phạm nhân. Số phạm nhân trốn Công an chưa ra lệnh truy nã trong năm 2013 là 05 phạm nhân đến năm 2014 là 03 phạm nhân, giảm 02 phạm nhân, từ năm 2014 là 03 phạm nhân đến năm 2015 là 05 phạm nhân, tăng 03 phạm nhân, từ năm 2015 đến năm 2016 là 05 phạm nhân vẫn giữ nguyên không tăng, từ năm 2016 là 05 phạm nhân đến năm 2017 là 01 phạm nhân giảm 04 phạm nhân. Số phạm nhân tạm đình chỉ từ năm 2013 đến năm 2014 không có phạm nhân nào được tạm đình chỉ; riêng năm 2015 và năm 2016 mỗi năm 07 trường hợp, không tăng, năm 2017 không có trường hợp nào được tạm đình chỉ kết quả kiểm sát cho thấy không có vi phạm trong hoạt động nêu trên.

*2.2.3. Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động của Viện kiểm sát liên quan đến tạm giữ, tạm giam và nguyên nhân.*

*Một là, một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật tố tụng hình sự vẫn chưa được hướng dẫn. Cụ thể:*

- Quy định ở khoản 2 Điều 36 BLTTHS năm 2003 (Điều 113 BLTTHS năm 2015) có sự trùng lặp khi quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân;

- Quy định Điều 120 và Điều 160 BLTTHS năm 2003 (Điều 173, 229 BLTTHS năm 2015) về thời hạn tạm giam để điều tra nhưng không quy định thời gian tạm giam khi có quyết định tạm đình chỉ.

- Quy định tại Điều 119, 120 BLTTHS năm 2003 (Điều 172, 173 BLTTHS năm 2015) về quy định thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra có sự mâu thuẫn, đối lập nhau trong cách quy định thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra.

- Điều 160, Điều 177 BLTTHS năm 2003 quy định về tạm đình chỉ điều tra, không có điều luật quy định cụ thể về hoãn phiên tòa (điểm c khoản 1 Điều 229, BLTTHS năm 2015, hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 297 BLTTHS năm 2015, áp dụng, thay đổi hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế quy định tại Điều 278 BLTTHS năm 2015) chưa quy định về thời hạn tạm giam trong trường hợp Tòa án tạm đình chỉ vụ án.

- BLTTHS năm 2003 không quy định điều luật cụ thể về hoãn phiên tòa phúc thẩm (Hoãn phiên tòa phúc thẩm quy định tại Điều 352 BLTTHS năm 2015), không quy định về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong trường hợp hoãn phiên tòa phúc thẩm;

- Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 80 BLTTHS năm 2003 (điểm a khoản 1 Điều 113 BLTTHS năm 2015), không quy định thời hạn Viện kiểm sát xem xét phê chuẩn là bao lâu.

- Quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 176, áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tại Điều 177 BLTTHS năm 2003 (Điều 277, 278 BLTTHS năm 2015), quy định này chưa chuẩn xác.

- Trong BLTTHS năm 2003 tại chương XVII Chuẩn bị xét xử đã không quy định về việc nhận hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và thụ lý vụ án, áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn quy định tại Điều 177 BLTTHS năm 2003 (Điều 276, 278 BLTTHS năm 2015), giữa hai Điều luật có độ lệch về thời gian.

- Trong BLTTHS năm 2003 không quy định giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110 BLTTHS năm 2015), chưa quy định cụ thể, dễ bị áp dụng sai trong việc trả tự do cho người bị giữ.

- Trong BLTTHS năm 2003 không quy định Cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và không quy định giữ người trong

trường hợp khẩn cấp (Điều 35, 110 BLTTHS năm 2015), còn chưa thông nhất nhau, chưa quy định đầy đủ các chủ thể có quyền giữ người.

- Điều 87 BLTTHS năm 2003 quy định về thời hạn tạm giữ (Điều 118 BLTTHS năm 2015), việc quy định thời hạn tạm giữ không nêu cụ thể thời hạn gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ cho Viện kiểm sát phê chuẩn là khi nào.

*Hai là*, về cơ cấu, tổ chức bộ máy làm việc, cơ sở vật chất của Viện kiểm sát chưa thực sự tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của ngành kiểm sát đã được Hiến pháp và pháp luật quy định.

Hiện nay, vị trí Viện kiểm sát không rõ thuộc hệ thống cơ quan nào: lập pháp, hành pháp hay tư pháp. Mặc dù có quy định Viện kiểm sát nhân dân tối cao thuộc cơ quan tư pháp nhưng chức năng vẫn còn chông chéo nhau; trong giai đoạn điều tra vừa thực hiện chức năng kiểm sát vừa thực hiện chức năng khởi tố và chức năng truy tố, trong giai đoạn xét xử vừa thực hiện chức năng công tố vừa thực hiện chức năng kiểm sát xét xử nên có biểu hiện “Vừa đá bóng vừa thổi còi”.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực này chưa kịp thời, thiếu tính đồng bộ, thống nhất dẫn đến việc áp dụng không đạt hiệu quả như mong muốn, thậm chí mỗi địa phương áp dụng một kiểu, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát.

Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh có địa bàn rộng, tình hình trật tự, an ninh phức tạp, dân số đông dẫn đến tình hình tội phạm xảy ra nhiều, trong khi đó biên chế của Viện kiểm sát còn hạn chế nên không đảm bảo về quân số để có thể giải quyết tất cả các vụ án trên địa bàn, theo trình tự, thủ tục mà pháp luật đã quy định.

Quy định về chính sách đãi ngộ đối với nhân viên, cán bộ của ngành kiểm sát còn chưa thỏa đáng, điều này cũng tác động đến chất lượng hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân nói chung và Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân nói riêng. Công việc kiểm sát đòi hỏi sự yêu nghề cộng với tinh thần luôn đề cao cảnh giác nếu không sẽ xa ngã bất cứ lúc nào, có những chế độ làm việc ngoài giờ, làm việc ở những nơi nguy hiểm, độc hại đối với cán bộ kiểm sát này lại không được quy định. Đây cũng là lý do, nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng công việc cũng như sự nhiệt tình, yêu nghề của

cán bộ, công chức trong cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung, ngành kiểm sát nói riêng. Và đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tiêu cực trong quá trình thực hiện công vụ của cán bộ công chức ngành tư pháp tro đó có cán bộ kiểm sát.

Bên cạnh đó, những yếu kém trong hoạt động của Viện kiểm sát đối với việc kiểm sát tạm giữ, tạm giam có lý do là cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất đảm bảo cho việc tạm giữ, tạm giam còn chưa hoàn thiện.

*Ba là*, năng lực trình độ cán bộ, kiểm sát viên, kiểm tra viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chức năng được giao. Một số cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn vai trò, nhiệm vụ, vị trí, thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam của Cơ quan điều tra, của Tòa án. Một số cán bộ, kiểm sát viên, kiểm tra viên chưa thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trình độ, nghiệp vụ, năng lực chuyên môn của một số cán bộ, kiểm sát viên, kiểm tra viên còn có những hạn chế nhất định, thậm chí một số còn thiếu bản lĩnh, trách nhiệm hình sự cả nể trong công tác, bị mua chuộc, sa ngã trong lợi ích vật chất... đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự

*Bốn là*, việc quản lý chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát đôi lúc chưa sâu sát, còn nể nang trong công tác phối hợp. Quan hệ giữa Cơ quan điều tra – Viện kiểm sát – Tòa án còn chưa chặt chẽ. Việc thực hiện các kiến nghị của Viện kiểm sát đối với vi phạm của Cơ quan điều tra, Tòa án trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam chưa được quan tâm thực hiện vẫn có trường hợp không thực hiện dẫn đến vi phạm kéo dài nhưng không có chế tài xử lý. Công tác phối hợp với chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền pháp luật tố tụng hình sự nói chung và biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng chưa đạt hiệu quả, do đó chưa được quan tâm của chính quyền địa phương và của nhân dân trên địa bàn.

## **Tiểu kết chương 2**

Các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là Viện kiểm sát đã nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam, trong quá trình điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử và trong việc xử lý vụ án cụ thể đã có sự đánh giá, phân loại về tính chất mức độ phạm tội, nhân thân của bị can, bị cáo để

quyết định áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam cho phù hợp. Các Kiểm sát viên được phân công đều chú ý nghiên cứu hồ sơ, làm rõ các căn cứ bắt, tạm giữ, tạm giam, kiên quyết không phê chuẩn những trường hợp không đủ căn cứ và trái với quy định của pháp luật. Do đó, tỷ lệ bắt tạm giữ, tạm giam sau đó chuyển sang xử lý hành chính, Tòa án tuyên không có tội đã giảm đáng kể, tình trạng lạm dụng, tùy tiện việc tạm giữ, tạm giam được hạn chế, bảo vệ được quyền con người, quyền tự do của công dân, góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đáp ứng được yêu cầu công tác cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Qua nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm cho thấy thực tiễn kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng yêu cầu hạn chế vi phạm pháp luật và đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu chính trị, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm của địa phương. Ngoài kết quả quan trọng đạt được vẫn còn một số hạn chế, bất cập trong quá trình áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam. Nguyên nhân xảy ra những bất cập này một phần là do yếu tố chủ quan của cán bộ, nhân viên thực hiện công tác áp dụng chưa đủ trình độ, năng lực tương xứng và một phần là do pháp luật quy định chưa chặt chẽ. Như vậy, vấn đề đặt ra là cần nghiên cứu làm rõ những hạn chế, bất cập trong áp dụng và kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam, để từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam.

### Chương 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ, TẠM GIAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

### 3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

Ngày 27/11/2015, tại kỳ họp quốc hội thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết thi hành bộ luật BLTTHS năm 2015, có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2018. Đây là một trong những đạo luật rất quan trọng, trực tiếp liên quan đến quyền con người, quyền công dân được Quốc hội thông qua trên tinh thần Hiến pháp mới, là đạo luật cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013. BLTTHS năm 2015 có hiệu lực đã được 06 tháng, phần nào đã dần khắc phục được những thiếu sót, bất cập của BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thi hành BLTTHS năm 2015 vẫn còn một số vướng mắc, bất cập cần phải tiếp tục nghiên cứu và cần có các văn bản hướng dẫn để đảm bảo cho việc Cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Viện kiểm sát nhân dân nói riêng áp dụng một cách thống nhất và hiệu quả.

*Thứ nhất*, về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm tại điểm a khoản 2 Điều 41 được quy định "... quyết định khởi tố, không khởi tố, thay đổi, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố bị can theo quy định của bộ luật này" và tại điểm b khoản 2 Điều 41 lại quy định "... quyết định khởi tố, không khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án; quyết định khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố bị can...". Như vậy, quy định giữa điểm a khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 2 Điều 41 BLTTHS năm 2015 có sự trùng lặp, do đó, cần được điều chỉnh lại cho phù hợp và không bị trùng lặp.

*Thứ hai*, về việc tạm giam trong khi có quyết định tạm đình chỉ điều tra: tại Điểm c Khoản 1 Điều 229 BLTTHS năm 2015 liệt kê Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ: "Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu người nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết hạn điều tra. Trong trường hợp này, việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tư pháp vẫn tiếp

tục được tiến hành cho đến khi có kết quả”. Như vậy, có nghĩa là nhà làm luật đã dự liệu trên thực tế vẫn tồn tại trường hợp đã hết thời hạn điều tra mà chưa có kết quả giám định. Mặt khác, tại Điều 173 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định về thời hạn tạm giam để điều tra nhưng không quy định thời gian tạm giam khi có quyết định tạm đình chỉ theo điểm c khoản 1 Điều 229 BLTTHS năm 2015. Do đó, cần bổ sung thêm khoản 8 Điều này như sau “8. Thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam trong trường hợp vụ án trong thời gian tạm đình chỉ điều tra được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều luật này, nếu đã hết thời hạn tạm giam mà chưa có căn cứ phục hồi điều tra thì phải trả tự do cho người bị tạm giam. Trường hợp xét thấy cần thiết thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp ngăn chặn khác”.

*Thứ ba*, về quy định thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra có sự mâu thuẫn, đối lập nhau trong cách quy định thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra, cụ thể như sau: trong khi quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 172 “Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng”, thì quy định về thời hạn tạm giam để điều tra tại điểm a khoản 2 Điều 173 như sau “Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 01 tháng”. Như vậy, thời hạn điều tra dài hơn thời hạn tạm giam để điều tra khi được gia hạn, trong trường hợp hết thời hạn tạm giam nhưng thời hạn điều tra thì vẫn còn; vì vậy cần phải được quy định giữa hai Điều luật này có sự thống nhất với nhau về thời hạn. Có thể sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 như sau: “Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng”. Tương tự như trên, lần lượt các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 172 BLTTHS năm 2015: “Đối với tội phạm nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, lần thứ nhất không quá 03 tháng và lần thứ hai không quá 02 tháng”, quy định thời hạn tạm giam để điều tra tại điểm b khoản 2 Điều 173 BLTTHS năm 2015 như sau: “Đối với tội phạm nghiêm trọng có thể được gia hạn tạm giam một lần không quá 02 tháng”. Quy định thời hạn điều tra tại điểm c khoản 2 Điều 172 như sau: “Đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, mỗi

lần không quá 04 tháng”, quy định thời hạn tạm giam để điều tra tại điểm c khoản 2 Điều 173 như sau: “Đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn tạm giam, một lần không quá 03 tháng. Quy định tại điểm d khoản 2 Điều 172 như sau: “Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra ba lần, mỗi lần không quá 04 tháng”, quy định thời hạn tạm giam để điều tra tại điểm d khoản 2 Điều 173 BLTTHS năm 2015 như sau: “Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 03 tháng”. Thực tế cho thấy trong đấu tranh phòng chống tội phạm, thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra có quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau. Trong nhiều vụ án khi hết thời hạn tạm giam để điều tra nhưng thời hạn điều tra vẫn còn mà do tính chất của vụ án không thể trả tự do cho bị can. Trong trường hợp này cần thiết phải quy định thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra bằng nhau, thống nhất với nhau.

*Thứ tư*, về thời hạn tạm giam khi tạm đình chỉ vụ án và trường hợp hoãn phiên tòa, BLTTHS năm 2015 chưa quy định về thời hạn tạm giam trong trường hợp Tòa án tạm đình chỉ vụ án theo điểm c khoản 1 Điều 229 và trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 297 BLTTHS năm 2015 và Điều 278 BLTTHS năm 2015 quy định về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Do vậy, để hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam và tránh sự tùy tiện dẫn đến xâm phạm quyền con người và quyền cơ bản của công dân, kiến nghị bổ sung khoản 4 Điều 278 như sau: “4. Trong trường hợp vụ án bị tạm đình chỉ hoặc hoãn phiên tòa thì việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định tại khoản 1 Điều này. Nếu thời hạn tạm giam đã hết theo quy định tại khoản 2 Điều này thì người bị tạm giam phải được trả tự do; trường hợp xét thấy cần thiết thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác”.

*Thứ năm*, về việc hoãn phiên tòa phúc thẩm tại Điều 352 BLTTHS năm 2015, không quy định về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong trường hợp hoãn phiên tòa phúc thẩm. Do vậy, kiến nghị bổ sung thêm khoản 3 Điều 352 BLTTHS năm 2015 như sau: “3. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong trường hợp hoãn phiên tòa được thực hiện theo quy định tại khoản

1 Điều 347 của Bộ luật này. Thời hạn tạm giam không được quá thời hạn hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 297 của Bộ luật này”.

*Thứ sáu*, vấn đề phê chuẩn bắt bị can, bị cáo để tạm giam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 BLTTHS năm 2015: điều luật không quy định thời hạn Viện kiểm sát xem xét phê chuẩn là bao lâu. Trên thực tế có vụ án đơn giản, tài liệu không nhiều thì Viện kiểm sát có thể xem xét phê chuẩn ngay trong ngày, song thực tế không ít hồ sơ thu thập chứng cứ có số lượng tài liệu rất lớn, nhất là các vụ án về tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm tham nhũng, Viện kiểm sát đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu tài liệu, xác định căn cứ để xem xét có phê chuẩn hay không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam. Ngoài ra, không loại trừ Viện kiểm sát vì lý do nào đó chậm trễ trong việc phê chuẩn dẫn đến bị can trốn, tiêu hủy chứng cứ, giả mạo chứng cứ... Vì vậy, vấn đề phê chuẩn lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam thì BLTTHS nên quy định các mức thời gian phê chuẩn lệnh của Viện kiểm sát theo từng loại vụ án, đơn giản hay phức tạp, kể từ khi nhận được công văn đề nghị phê chuẩn và tài liệu vụ án. Như vậy, cần bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 BLTTHS năm 2015 như sau: “Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trong thời hạn 03 ngày nếu vụ án phức tạp thì không quá 06 ngày kể từ ngày nhận được lệnh bắt tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn”.

*Thứ bảy*, về quy định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế tại khoản 2 Điều 278 BLTTHS năm 2015 thì “Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 277 BLTTHS năm 2015”. Quy định này chưa chuẩn bởi lẽ Điều 277 BLTTHS năm 2015 có 03 khoản: khoản 01 quy định thời hạn từ ngày thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử; khoản 3 quy định thời hạn từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày mở phiên tòa. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 278 BLTTHS năm 2015 thì thời gian từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày mở phiên tòa không được phép áp dụng biện pháp tạm giam. Vì vậy, nên sửa khoản 2 Điều 278

như sau: “2. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 277 Bộ luật này”.

*Thứ tám*, về việc nhận hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và thụ lý vụ án: khoản 1 Điều 278 quy định “Sau khi thụ lý vụ án, thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trừ việc áp dụng thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó chánh án quyết định”. Tuy nhiên tại đoạn 2 Khoản 2 Điều 276 BLTTHS năm 2015 lại quy định: “Ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng thì Tòa án phải thụ lý vụ án. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án, Chánh án tòa án phải phân công Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giải quyết vụ án”. Như vậy, giữa hai Điều luật có độ lệch về thời gian. Cụ thể, là sau khi thụ lý vụ án có tối đa 03 ngày chưa có Thẩm phán chủ tọa thì không thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 278 BLTTHS năm 2015. Do vậy, cần sửa khoản 1 Điều 278 BLTTHS năm 2015 theo hướng thay cụm từ “Thẩm phán chủ tọa phiên tòa” bằng cụm từ “Tòa án”.

*Thứ chín*, việc quy định về thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo điểm b khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 như sau: “ Thủ trưởng các đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương; Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng cục phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục kiểm ngư vùng”. Quy định này chưa bao hàm đầy đủ các chủ thể có quyền giữ người trong khi tại Điều 35 BLTTHS năm 2015 quy định Cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, gồm các chủ thể như: Các cơ quan của kiểm lâm; Người được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra như: Cục trưởng, Phó cục trưởng Kiểm lâm, Chi cục trưởng, Phó chi cục trưởng Kiểm lâm, Hạt trưởng, Phó hạt trưởng

Kiểm lâm và những người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tại khoản 2 Điều này. Vì trong trường hợp người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khi tiến hành điều tra phát hiện tội phạm và thỏa mãn theo quy định tại khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 thì họ phải có quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp còn quy định tại khoản 2 Điều 110 không có quy định thẩm quyền này cho họ. Vì vậy, làm cho người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gặp khó khăn trong hoạt động điều tra và tham gia phòng, chống tội phạm. Nên chăng, cần bổ sung điểm b khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 như sau: “Và những người khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại Điều 35 bộ luật này”.

*Thứ mười*, vấn đề quy định về thời hạn gửi lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp cho Viện kiểm sát phê chuẩn theo khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015: “...ra quyết định tạm giữ, lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó...” nhà làm luật đã thể hiện cụ thể về thời hạn ra quyết định tạm giữ, lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó là trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Tuy nhiên, điều luật còn chưa quy định cụ thể thời gian gửi lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp “Gửi ngay” cho Viện kiểm sát và được quy định là gửi từ khi nào? chỉ gửi lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, không có quy định gửi quyết định tạm giữ cho Viện kiểm sát phê chuẩn. Do đó sửa đổi, bổ sung đoạn 1 và đoạn 2 khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015 như sau: “...Quyết định tạm giữ, Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong thời hạn không quá 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp để xét phê chuẩn”. Theo quy định tại khoản 6 Điều 110 BLTTHS năm 2015: “...Trường hợp Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì người đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra đã nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải trả tự do ngay cho người bị giữ” là chưa cụ thể, dễ bị áp dụng sai trong việc trả tự do cho người bị giữ. Do vậy,

cần được sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 110 BLTTHS năm 2015 như sau: “...Trường hợp Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn, quyết định tạm giữ, lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan, người đã ra quyết định, lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quan điều tra đã nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải trả tự do cho người bị giữ cùng thời điểm nhận được quyết định không phê chuẩn” và tại khoản 6 Điều luật nay không quy định “Quyết định tạm giữ” cần được bổ sung thêm như sau: “Quyết định tạm giữ, lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp”.

*Mười một*, về thời hạn tạm giữ, khoản 2 Điều 118 BLTTHS năm 2015 quy định: “...Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 03 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai không quá 03 ngày...”. Việc quy định thời hạn tạm giữ không nêu cụ thể thời hạn gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ cho Viện kiểm sát phê chuẩn là khi nào. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 118 BLTTHS năm 2015 như sau: “...Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 03 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của Viện kiểm sát. Trường hợp gửi quyết định gia hạn tạm giữ cho Viện kiểm sát có thẩm quyền phải được thực hiện trước khi hết thời hạn tạm giữ 12 giờ để xét phê chuẩn...”

*Mười hai*, Điều 110 BLTTHS năm 2015 quy định giữ người trong trường hợp khẩn cấp, như vậy trước khi giữ người thì phải thực hiện những hoạt động cần thiết nào? bắt sau đó giữ người hay triệu tập người vi phạm rồi giữ? nhà làm luật cũng có tiên liệu trước về điều này trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp hay không?. Vì vậy, cần bổ sung thêm quy định “Bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp”

Ngoài những trường hợp nêu trên thì BLTTHS năm 2015 cần chú trọng hơn đến thời hạn gửi quyết định, lệnh tạm giữ và gia hạn quyết định, lệnh tạm giữ cho Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn. Trong những trường hợp đặc biệt như:

Vùng biên giới, hải đảo, vùng miền núi hiểm trở, bị chia cắt bởi địa hình nên việc đi lại rất khó khăn, mà khi đó khoảng cách giữa các cơ quan có thẩm quyền phối hợp lại rất xa nhau, việc gửi quyết định, lệnh gia hạn tạm giữ cho Viện kiểm sát phê chuẩn là mất rất nhiều thời gian, rất dễ dẫn đến việc quá thời hạn. Trong khi thời hạn trong BLTTHS năm 2015 quy định như trên thì có thể quá dài đối với những nơi thành thị, đồng bằng còn những nơi biên giới, hải đảo, vùng miền núi bị chia cắt bởi yếu tố địa lý, địa hình đặc thù thì thời gian quy định trong BLTTHS năm 2015 có thể là quá ngắn không phù hợp.

### **3.2. Hoàn thiện tổ chức Viện kiểm sát nhân dân**

Viện kiểm sát nhân dân các cấp tập trung kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc áp dụng, quản lý, thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam theo quy định của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự nhằm bảo đảm việc tạm giữ, tạm giam, chế độ tạm giữ, tạm giam được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong tạm giữ, tạm giam.

Trong đó, chú trọng kiểm sát về căn cứ, thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và hồ sơ quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam, việc chấp hành thời hạn tạm giữ, tạm giam của cơ quan, người tiến hành tố tụng; việc thông báo sắp hết thời hạn, kiến nghị quá hạn tạm giam và việc tăng, giảm số lượng người bị tạm giữ, tạm giam trong các giai đoạn tố tụng; kịp thời trao đổi với các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử về các trường hợp hết hạn tạm giữ, tạm giam thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát, không để xảy ra quá hạn tạm giữ, tạm giam thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiệp vụ để theo dõi các trường hợp Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, quyết định không phê chuẩn lệnh tạm giam và gia hạn tạm giữ, tạm giam, các trường hợp thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam, quyết định trả tự do trong trường hợp đã có quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình

chỉ vụ án mà không bị giam giữ về hành vi phạm tội khác...; kịp thời phát hiện, trả tự do cho người bị giam giữ không có căn cứ và trái pháp luật.

Kiểm sát chặt chẽ chế độ quản lý giam giữ, kịp thời phát hiện việc phân loại giam giữ không đúng quy định cũng như các vi phạm, tồn tại trong công tác quản lý giam giữ để hạn chế thấp nhất các trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam trốn, chết do đánh nhau, tự sát, phạm tội mới, vi phạm nội quy...tại nơi giam giữ, chú ý phát hiện các vi phạm, thiếu sót trong quản lý người bị kết án tử hình như về kết cấu công trình, buồng giam; việc trang bị camera giám sát, việc phát hiện vật cấm nhằm chống trốn, tự sát chết, xác định nguyên nhân, trách nhiệm và kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu khắc phục.

Kiểm sát việc thực hiện chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, như chế độ gặp thân nhân, người bào chữa, nhận quà trong thời gian bị giam giữ; chế độ đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, chú ý kiểm sát chế độ ăn, ở và quản lý giam giữ đối với người bị kết án tử hình, bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo, không bị tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam. Tăng cường gặp hỏi người bị tạm giữ, người bị tạm giam để kịp thời phát hiện vi phạm trong quá trình giam giữ.

Thông qua kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự để thông báo kịp thời, đầy đủ cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát những vi phạm, tội phạm xảy ra tại nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam, những quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát hết thời hạn thi hành, những khiếu nại, tố cáo về việc bắt, tạm giữ, tạm giam oan, sai hoặc xâm phạm đến tính mạng sức khỏe, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự với các cơ quan liên quan có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự để cùng phối hợp nắm tình hình, kịp thời chỉ đạo xử lý giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong công tác tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự, Kiểm sát viên phải kịp thời nắm bắt tình hình chấp hành pháp luật trong nhà tạm giữ, trại tạm giam, của Cơ quan thi hành án hình sự nhằm phát hiện kịp thời những vi phạm pháp luật trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự. Việc phát hiện vi phạm có thể từ nhiều kênh thông tin khác nhau như: qua công tác kiểm sát hàng ngày, hàng tuần, qua đơn thư khiếu nại, tố cáo,... Kiểm sát viên phải xử lý thông tin đó trước khi báo cáo cho Lãnh đạo quyết định. Khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật xảy ra, xét thấy cần thiết phải tiến hành trực tiếp kiểm sát đột xuất ngay thì kiểm sát viên báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát quyết định kiểm sát. Cần nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đối tượng, phạm vi, nội dung và các phương thức kiểm sát gắn với hoạt động thực tế ở địa phương trên cơ sở các quy định của Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân, Luật Thi hành án hình sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Quy chế nghiệp vụ và các văn bản pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất; tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ phải được tôn trọng và bảo vệ.

Những vi phạm pháp luật khác như vi phạm về thủ tục pháp luật, về công tác quản lý, phân loại giam giữ và tổ chức thi hành án hình sự; vi phạm trong thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù như: Chế độ ăn, mặc, ở, khám chữa bệnh, thăm gặp, nhận quà,... những vi phạm xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, chế độ lao động, học tập và các quyền khác không bị pháp luật tước bỏ của chủ thể bị giam giữ; biểu hiện thiếu trách nhiệm của chủ thể quản lý giam giữ để xảy ra hậu quả nghiêm trọng,... Với kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự thì biện pháp kiến nghị nhằm mục đích phòng ngừa vi phạm và tội phạm trong lĩnh vực này càng có ý nghĩa quan trọng vì biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam trực tiếp tác động đến quyền con người, đến quyền tự do, dân chủ của công dân, có tác động nhiều mặt trong xã hội. Do vậy, kiến nghị là một biện pháp nghiệp vụ được áp dụng khi phát hiện những việc được xác định là

nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật hoặc những việc nếu không có biện pháp khắc phục sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật và Viện kiểm sát có trách nhiệm kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền, người có trách nhiệm để có biện pháp phòng ngừa, khắc phục vi phạm. Đối với những vi phạm pháp luật nghiêm trọng, có dấu hiệu tội phạm và đủ căn cứ để xử lý thì yêu cầu Cơ quan điều tra có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự.

Các biện pháp nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự như:

- Kiện toàn hệ thống, sổ sách, hồ sơ, tài liệu theo dõi tình hình chấp hành pháp luật trong công tác quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự theo đúng quy định, đồng thời thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác để quản lý, xử lý,...

- Quản lý chặt chẽ nghiệp vụ và xây dựng lề lối làm việc khoa học, quy định rõ trách nhiệm của Kiểm sát viên, cán bộ, chuyên viên để nâng cao trách nhiệm pháp lý, ý thức kỷ luật nghiệp vụ.

- Chú trọng tăng cường kiểm sát định kỳ và đột xuất, áp dụng đầy đủ các biện pháp pháp luật để loại trừ vi phạm.

- Thực hiện nghiêm quy chế nghiệp vụ, ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-VKSTC-V4 ngày 29/01/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Hàng ngày, hàng tuần kiểm sát nhà tạm giữ, trại tạm giam trong việc bắt tạm giữ, tạm giam theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nhằm phát hiện kịp thời việc bắt tạm giữ, tạm giam trái pháp luật, ngoài ra còn kiểm sát cả hồ sơ, thủ tục về, tạm giữ, tạm giam.

- 03 tháng trực tiếp kiểm sát từng nội dung, 06 tháng trực tiếp kiểm sát toàn diện việc tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ, trại tạm giam; 01 năm 02 lần kiểm sát toàn diện việc tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ, trại tạm giam. Đối với kiểm sát định kỳ 03 tháng, 06 tháng, 01 năm, khi kết thúc cuộc kiểm sát trực tiếp, Viện kiểm sát nhân dân phải có kết luận bằng văn bản. Đột xuất kiểm sát cần được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc xét thấy cần thiết, Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, cơ quan

thi hành án hình sự cùng cấp và cấp dưới cũng như cơ quan, tổ chức được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự. Nội dung kiểm sát đột xuất cần tập trung vào một vấn đề thấy cần thiết.

- Thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm về việc vận dụng các quy định của pháp luật vào hoạt động thực tiễn để phát hiện những vấn đề còn vướng mắc, bất cập, những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn để có căn cứ tham mưu với các cấp có thẩm quyền trong việc hướng dẫn, xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

- Việc phối hợp công tác giữa kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự với các khâu công tác kiểm sát trong ngành Kiểm sát và các cơ quan, đơn vị hữu quan có chức năng, nhiệm vụ trong việc quản lý giam giữ là hết sức quan trọng, cần thiết được duy trì và tăng cường hơn nữa. Trong khi các khâu công tác kiểm sát khác chỉ kiểm sát tuân theo pháp luật trong từng giai đoạn tố tụng, thì công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự là khâu công tác kiểm sát xuyên suốt cả quá trình tố tụng từ tạm giữ, tạm giam đến thi hành án hình sự và xóa án tích. Do vậy, xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp công tác sẽ góp phần nâng cao hiệu quả các khâu công tác kiểm sát hình sự khác trong ngành Kiểm sát, đặc biệt là việc kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Một số biện pháp nghiệp vụ cụ thể cần lưu ý khi kiểm sát Nhà tạm giữ, trại tạm giam:

Chế độ quản lý tạm giữ, tạm giam:

Mỗi kiểm sát viên, kiểm tra viên, chuyên viên khi tham gia trực tiếp kiểm sát nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam phải có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, giàu kinh nghiệm thì mới phát hiện được các vi phạm tại nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam; Kiểm sát viên, kiểm tra viên không được bỏ qua các thao tác nghiệp vụ như điểm danh, kiểm diện và gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam và người đang Thi hành án phạt tù.

Một nội dung cần quan tâm qua mỗi đợt kiểm sát đó là: Trực tiếp nghiên cứu hồ sơ người bị tạm giữ, tạm giam vi phạm kỷ luật, kiểm tra các tài liệu như: Biên bản vi phạm có ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm vi phạm, nơi lập biên

bản; diễn biến hành vi, hậu quả vi phạm xảy ra, người vi phạm có cùng ký tên trong biên bản vi phạm không; bản kiểm điểm của người vi phạm, văn bản đề xuất xử lý của cán bộ quản giáo, Quyết định hình thức kỷ luật của lãnh đạo có đúng với quy định tại Điều 32 Nghị định 89 và điểm 6 Điều 1 Nghị định 98 của Chính phủ chưa?. Những bị can nữ, vị thành niên vi phạm kỷ luật không được áp dụng cùm chân đối với họ, trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật, cán bộ giáo dục có gặp gỡ để giáo dục, thuyết phục, phân tích đúng sai nhằm chuyển biến nhận thức; cho họ viết kiểm điểm hứa chấp hành tốt nội quy lưu vào hồ sơ theo đúng quy định. Những bị can, bị cáo trong thời gian thi hành kỷ luật có tiến bộ thì cán bộ nghiệp vụ phải tham mưu, đề xuất với lãnh đạo xem xét giảm thời hạn kỷ luật đối với họ. Thông qua nghiên cứu hồ sơ kỷ luật để phát hiện vi phạm của cán bộ, quản giáo tại nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Đối với các cơ sở giam giữ đã xuống cấp không đáp ứng giam giữ thì trong các đợt KSTT cần phải kiên quyết kháng nghị để ngành Công an có biện pháp sửa chữa, xây dựng lại phục vụ tốt trong quản lý giam giữ và thi hành án phạt tù.

- Thực hiện các chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam:

Kiểm sát việc thực hiện các chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam cũng là một thao tác bắt buộc khi tiến hành kiểm sát nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam; nhằm mục đích kiểm tra kết quả Báo cáo của đơn vị; đồng thời xác định tính chính xác qua lời phản ánh của người bị tạm giữ, tạm giam khi kiểm sát viên gặp hỏi: Đã được cấp đầy đủ các nhu yếu phẩm tư trang hay chưa?. Do vậy yêu cầu kiểm sát viên, kiểm tra viên phải nắm vững các định lượng, tiêu chuẩn Nhà nước quy định tại các Nghị định 89, 98, 09, 117, ... của Chính phủ.

Khi tiến hành kiểm sát nhà tạm giữ, trại tạm giam về thực hiện chế độ ăn, ở, mặc, khám chữa bệnh, nhận thư, tiền, quà và thăm gặp thân nhân của người bị tạm giữ, tạm giam; kiểm sát viên, kiểm tra viên phải kiểm tra các loại sổ theo dõi việc nhập, xuất lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm, công khai tài chính hàng ngày có ký giao nhận cụ thể không?. Bản quyết toán hàng tháng ra sao?. Có phù hợp với số liệu báo cáo không?. Từ khâu chế biến, nấu ăn đến việc chia khẩu phần

ăn phải có cán bộ giám sát chặt chẽ đảm bảo đúng định lượng; quan tâm đến chế độ ăn các ngày lễ, tết phải hơn ngày thường. Kiểm tra sổ theo dõi thăm gặp, nhận quà xem có ghi chép đầy đủ các nội dung cột, mục theo quy định như: các lần gặp, tên, địa chỉ, mối quan hệ của từng người đến gặp, thời gian được gặp, số lượng các loại quà, đồ vật,... từ đó đối chiếu với các quy định của pháp luật để phát hiện vi phạm.

- Cần tập trung kiểm sát Trại tạm giam, Nhà tạm giữ trong việc giáo dục pháp luật, chính sách khoan hồng nhân đạo của Đảng và nhà nước, quyền và nghĩa vụ của bị can, bị cáo; biện pháp phòng và chống ma túy, phòng ngừa lây nhiễm HIV/AIDS... theo quy định tại hướng dẫn 9191/C81-C84 ngày 21/10/2011 của Bộ Công an.

- Có biện pháp phòng ngừa người tạm giữ, tạm giam vi phạm kỷ luật nơi giam giữ.

Trong thời gian qua, Viện kiểm sát quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh có nhiều nỗ lực thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự, qua đó nâng cao vị thế chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành. Qua hoạt động kiểm sát cho thấy việc tạm giữ, tạm giam cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật. Công tác tiếp nhận quyết định thi hành án phạt tù, công tác phân loại và tổ chức giam giữ, công tác giáo dục và thực hiện các chế độ, chính sách đối với phạm nhân cơ bản đã được ngành Công an thực hiện đúng quy định của pháp luật. Công tác thi hành án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đã đi vào nề nếp, thực hiện nghiêm từ việc lập hồ sơ đến việc tổ chức thi hành án theo quy định của luật thi hành án hình sự; cơ bản đã khắc phục được tình trạng buông lỏng, yếu kém trong công tác thi hành án hình sự kéo dài từ những năm trước đây tại xã, phường, thị trấn. Công tác thi hành biện pháp tư pháp đã được quản lý thống nhất và từng bước thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Trong những năm vừa qua, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện tốt một số chỉ tiêu theo Nghị quyết số 37 của Quốc hội; thông qua công tác kiểm sát đã phát hiện nhiều vi phạm trong việc

tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự, đã ban hành kháng nghị, kiến nghị yêu cầu sửa chữa, khắc phục và phòng ngừa vi phạm. Do đó, đã góp phần đảm bảo an ninh trật tự, tính mạng, sức khỏe, tài sản và các quyền về nhân thân của người bị tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

Trong những năm tới, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh cần phải nỗ lực hơn nữa để hoàn thành tiếp các chỉ tiêu công tác theo Nghị quyết số 37/2012; Nghị quyết số 63/2013 của Quốc hội, Quy chế nghiệp vụ ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-VKSTC-V4 ngày 29/01/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chỉ thị công tác của Viện trưởng về nhiệm vụ công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân... Từ yêu cầu trên đòi hỏi Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh và đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự phải nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và nội dung trọng tâm của công tác này để tập trung thực hiện tốt.

Theo nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị, Viện kiểm sát phải tiếp tục đổi mới hơn nữa, đó là tiếp tục hoàn thiện thể chế theo phân công rõ ràng giữa ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp và có như vậy thì tư pháp mới có cơ sở cho việc độc lập trong quá trình hoạt động của mình. Phân tích rõ thẩm quyền quản lý hành chính với quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong việc thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam... trước mắt viện kiểm sát vẫn giữ nguyên chức năng như hiện nay là giữ quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với tổ chức của Tòa án. Về lâu dài, nghiên cứu chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố, tăng cường trách nhiệm công tố cho hoạt động điều tra.

Về tổ chức bộ máy, cán bộ như quy định hiện nay cho thấy cán bộ, công

chức, nhân viên còn quá ít trong khi khối lượng công việc lại nhiều vì thế cần bổ sung biên chế, mặt khác hạn chế tình trạng kiêm nhiệm đối với cơ sở như hiện nay.

### **3.3. Hoàn thiện trình độ, năng lực của cán bộ kiểm sát**

Công tác cán bộ là vấn đề cốt lõi. Để công tác của ngành kiểm sát nói chung và công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng đạt kết quả cao thì cần:

*Thứ nhất*, tổ chức công tác tuyển dụng đầu vào bằng hình thức thi tuyển, công khai dân chủ, đặt điều kiện những người tham gia thi tuyển phải có đức, có tài sẵn sàng phục vụ trong ngành kiểm sát

*Thứ hai*, nâng cao nghiệp vụ của kiểm sát viên, kiểm tra viên; cử người tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, trao dồi đạo đức, kinh nghiệm, tác phong chuẩn mực của ngành kiểm sát.

*Thứ ba*, bồi dưỡng kiến thức, thường xuyên rà soát những đội ngũ cán bộ, công chức của ngành để cử cán bộ đi học các khóa thạc sĩ, tiến sĩ tại các trường có uy tín và được bộ giáo dục đào tạo công nhận như: trường Đại học luật Hà nội, Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh, Học viện khoa học xã hội..., nhằm tăng cường nhận thức lý luận, phát triển tư duy, phán đoán, mạnh dạn hơn trong công việc.

*Thứ tư*, bỏ nhiệm không thời hạn đối với chức danh tư pháp, trong đó có chức danh kiểm sát viên để họ yên tâm công tác, không lo sợ hay nể nang trong công tác, đảm bảo xử lý công việc được tốt hơn.

*Thứ năm*, bố trí cán bộ kiểm sát phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, công tác thái độ kiên quyết đấu tranh với cái sai, không thỏa hiệp, không nể nang nhất là trong công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam.

*Thứ sáu*, quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, kiểm sát trong quá trình tham mưu và thực hiện công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam có oan sai.

*Thứ bảy*, tăng biên chế cho toàn ngành kiểm sát, đặc biệt là Viện kiểm sát cấp quận (huyện), nhằm đảm bảo đủ nhân sự thực hiện nhiệm vụ, chức năng được giao, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

*Thứ tám*, lãnh đạo ngành kiểm sát cũng như cấp ủy địa phương cần tăng cường công tác kiểm tra giám sát, sớm phát hiện và loại bỏ những tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình xét phê chuẩn biện pháp ngăn chặn nói chung và kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng.

*Thứ chín*, tăng cường phối hợp thực hiện với Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan điều tra, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết những vụ việc phức tạp cũng như kiểm sát chặt chẽ trong hoạt động tố tụng nói riêng và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung.

Cơ sở vật chất và chế độ đãi ngộ cần được quan tâm, đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên được chăm lo, cải thiện tạo điều kiện cho họ chuyên tâm phục vụ công tác.

*Thứ nhất*, tăng cường xây dựng mới, sửa chữa các trụ sở làm việc của Viện kiểm sát nhân dân các cấp, đảm bảo tiêu chuẩn làm việc (mỗi kiểm sát viên phải có phòng làm việc riêng), phòng nghỉ, phòng trực, phòng ăn tập thể, phòng sinh hoạt, học tập, phòng hội họp,... và kho tàng vật, kho lưu trữ.

*Thứ hai*, tăng cường đầu tư phương tiện, kỹ thuật cho ngành kiểm sát như xe ô tô, xe gắn máy chuyên dụng, máy chiếu, máy quay phim, máy chụp ảnh và các công cụ khác phục vụ cho ngành kiểm sát nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác độc lập, không lệ thuộc vào các cơ quan khác.

*Thứ ba*, tăng lương, các chế độ đãi ngộ, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ, nhân viên, công chức, kiểm sát viên để cho họ an tâm phục vụ công việc được tốt hơn và hạn chế tiêu cực.

### **3.4. Những kiến nghị khác**

**Tăng cường sự quan hệ, phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam**

- Để công tác phối hợp giữa các cơ quan Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án được tốt hơn trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng thì ngoài việc hàng tháng có báo cáo tình hình công tác trong đó có số liệu về bắt, tạm giữ, tạm giam thì hàng quý, 06 tháng,

09 tháng và cuối năm hiện ngành phải tiến hành sơ kết đánh giá công tác phối hợp, từ đó đưa ra các giải pháp để việc giải quyết các vụ án hình sự, trong đó có công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra ngoài việc phối hợp theo định kỳ cần tiến hành phối hợp theo vụ việc. Khi xảy ra các vụ án nghiêm trọng, gây hậu quả lớn, được dư luận quan tâm thì hai đơn vị cần nhanh chóng xin ý kiến chỉ đạo cấp ủy, bàn cách giải quyết, xử lý vụ án trong đó có việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam, kịp thời, đúng pháp luật, đồng thời cất cử, phân công điều tra viên, kiểm sát viên có năng lực, kinh nghiệm để giải quyết vụ việc.

- Trong quá trình giải quyết vụ án; Điều tra viên, Kiểm sát viên thường xuyên thông tin trao đổi trong việc xử lý vụ án nói chung và việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng nhằm áp dụng đúng các quy định pháp luật và hạn chế thấp nhất oan sai.

- Thường xuyên trao đổi thông tin giữa các cơ quan Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và xây dựng quy chế phối hợp chung giữa các cơ quan này để áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng và các biện pháp ngăn chặn nói chung được thống nhất và đúng theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường phối hợp tốt với chính quyền địa phương, xã, phường, thị trấn trên địa bàn

### **Tăng cường công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và chấp hành án tại nhà tạm giữ**

Một trong những chức năng cơ bản của Viện kiểm sát là việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói chung, biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng. Trong công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam, Viện kiểm sát phải kịp thời phát hiện trường hợp giữ, giam chưa có lệnh hoặc lệnh đã hết nhưng chưa trả tự do cho người bị bắt; những trường bức cung, ép cung hay thông cung trong điều tra cũng như tình trạng đánh đập, nhục hình trong tạm giữ, tạm giam; kiểm sát không để việc tạm giữ, giam chung người dưới 18 tuổi với người đủ

mười tám tuổi, phạm nhân là nữ, phụ nữ mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi, phạm nhân là người già yếu với những sinh hoạt, học tập đặc thù. Qua đó, cũng giải quyết kịp thời những yêu cầu, tâm tư, nguyện vọng của người bị tạm giữ, tạm giam trong quá trình giải quyết vụ án. Thông qua trong công tác kiểm sát mà Viện kiểm sát biết được những người bị tạm giữ, tạm giam có mắc những bệnh mãn tính hoặc nan y hay không để từ đó có những biện pháp xử lý cho phù hợp. Mặt khác, qua công tác kiểm sát cũng phát hiện những vi phạm, thiếu sót trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nói chung, tạm giữ, tạm giam nói riêng, từ đó kiến nghị giải pháp khắc phục.

### **Tăng cường đầu tư các cơ sở tạm giữ, tạm giam**

Trong quá trình kiểm sát thấy rằng, cơ sở tạm giữ, tạm giam của ngành Công an hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu đối với quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam, nhất là nhà tạm giữ ở cấp quận còn quá tải nên người dưới 18 tuổi còn bị tạm giữ, tạm giam chung với người đủ 18 tuổi trở lên và cả với người phạm tội nguy hiểm; người bị tạm giữ chung buồng với người bị tạm giam, 01 phòng giam có 05 đến 06 đối tượng, phòng giam xuống cấp, thuốc điều trị bệnh thiếu thốn, chưa xây dựng được phòng sinh hoạt tập thể... nên dễ lây lan dịch bệnh, dẫn đến tình trạng bạo lực, đánh nhau trong phòng giam. Cần nghiên cứu bãi bỏ việc thi hành án phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an quận (15% người bị thi hành án như hiện nay), những phạm nhân này chỉ thi hành án tại trại tạm giam (Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và trại giam Bộ công an. Vì vậy, cần tập trung xây dựng cơ sở vật chất nhà tạm giữ, cũng như nơi làm việc của các cán bộ, chiến sỹ quản giáo nhằm tạo điều kiện cho việc tạm giữ, tạm giam, chấp hành án đạt hiệu quả cao, đảm bảo quyền của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam và chấp hành án cũng như hạn chế thấp nhất trường hợp trốn, vượt ngục của bị can, bị cáo, phạm nhân.

### **Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật**

Để người dân hiểu đúng và chi tiết về biện pháp ngăn chặn nói chung biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng và các quy định khác của pháp luật hình sự thì cơ quan tư pháp, chính quyền các cấp cần phải thường xuyên phổ biến pháp luật rộng

rãi cho người dân cũng như giảng dạy pháp luật trong các cấp học phổ thông và thông tin trên thông tin mạng xã hội; thường xuyên tổ chức chương trình tư vấn pháp luật miễn phí để từ đó người dân tiếp cận các thông tin pháp luật, không chỉ pháp luật hình sự mà còn là các pháp luật khác.

Công tác tuyên truyền pháp luật cũng giúp người dân tự bảo vệ mình khi cơ quan áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với mình hoặc người thân của mình từ đó có thể khiếu nại tố cáo hành vi vi phạm pháp luật.

### **Tiểu kết Chương 3**

Viện kiểm sát có vai trò rất quan trọng trong việc áp dụng, kiểm sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói chung, biện pháp tạm giữ, tạm giam nói riêng, bảo đảm cho việc áp dụng đó có căn cứ và đạt hiệu quả. Nếu việc áp dụng các biện pháp này đúng căn cứ, thẩm quyền, thủ tục thì đó là cơ sở cho việc giải quyết các vụ án được nhanh chóng, hiệu quả và ngăn ngừa được hành vi tiếp tục phạm tội, nhưng ngược lại, nếu việc áp dụng các biện pháp này một cách tùy tiện, thiếu căn cứ, không đúng thẩm quyền sẽ ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội, xâm phạm đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân và làm mất lòng tin của nhân dân vào pháp luật.

Từ những nghiên cứu nêu trên thấy rằng còn có một số vướng mắc, bất cập, không thống nhất trong thực tiễn áp dụng, do đó cần được bổ sung về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam trong BLTTHS và các quy định về tổ chức bộ máy Viện kiểm sát, cơ chế, vật chất, phương tiện, chính sách đãi ngộ cho cán bộ, nhân viên, công chức kiểm sát cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Qua nghiên cứu, học viên đã đưa ra một số đề xuất sửa đổi, bổ sung các căn cứ áp dụng và kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam theo pháp luật tố tụng hình sự; sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan đến việc triển khai, áp dụng pháp luật tố tụng hình sự, cùng với đó là đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát trong công tác kiểm sát việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Chế định các biện pháp tạm giữ, tạm giam là chế định quan trọng của pháp luật tố tụng hình sự. Việc áp dụng một cách đúng đắn, chuẩn mực, chính xác biện pháp tạm giữ, tạm giam là đảm bảo cần thiết cho việc thực hiện tốt các nhiệm vụ của tố tụng hình sự là kịp thời phát hiện nhanh chóng, chính xác, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh đối với kẻ phạm tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Tuy nhiên, nếu áp dụng chế định này thiếu căn cứ, tùy tiện, không đúng thủ tục, thẩm quyền sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân, làm mất lòng tin của người dân vào pháp luật, cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Viện kiểm sát nhân dân nói riêng. Vì vậy, pháp luật tố tụng hình sự quy định rất chặt chẽ từ căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền khi áp dụng biện pháp ngăn chặn, nhất là các biện pháp tạm giữ, tạm giam. Do các biện pháp này đã làm hạn chế quyền công dân, quyền con người nên pháp luật tố tụng hình sự đã giao cho Viện kiểm sát quyền kiểm sát việc áp dụng chúng nhằm hạn chế thấp nhất oan sai trong tố tụng hình sự.

Các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam là những biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp ngăn chặn của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Các biện pháp ngăn chặn này được quy định và áp dụng đúng đắn có tác dụng rất lớn trong việc ngăn chặn tội phạm và là một trong các biện pháp hữu hiệu để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời cũng là biện pháp động viên toàn thể nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Chế định tạm giữ, tạm giam có lịch sử hình thành và phát triển với sự ra đời của pháp luật hình sự ngày càng phát triển và hoàn thiện. Trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, các biện pháp này được thực hiện dựa trên các nguyên tắc chung của pháp luật XHCN. Việc đi sâu nghiên cứu lý luận; phân tích các quy định pháp luật về căn cứ, đối tượng áp dụng, thẩm quyền, trình tự thủ tục tiến hành việc tạm giữ, tạm giam này sẽ thúc đẩy và làm cơ sở cho hoạt động thực tiễn.

Qua đó, thấy rằng tồn tại trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam trước tiên phải là trách nhiệm của Viện kiểm sát. Một trong những nguyên nhân dẫn đến vi phạm, thiếu sót trong công tác này là do các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và một số văn bản khác có liên quan trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam chưa chặt chẽ, các hướng dẫn chưa được cụ thể, thống nhất, kịp thời dẫn đến nhiều bất cập trong thực tiễn. Bên cạnh đó là nhận thức của người tiến hành tố tụng chưa thật sự đúng đắn, dẫn đến những vi phạm mà hậu quả cuối cùng là xâm phạm quyền con người, quyền công dân.

Bằng việc nghiên cứu của mình tác giả đã nhận xét, đánh giá cả về lý luận và thực tiễn công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của mình, tác giả luận văn đã nêu ra một số kiến nghị về hoàn thiện pháp luật, đổi mới tổ chức, nâng cao năng lực, trình độ của Kiểm sát viên, tăng cường cơ sở vật chất của các cơ quan tiến hành tố tụng... nhằm hướng đến mục đích là nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam trong thời gian tới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020*, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo cải cách tư pháp (2007) *Kế hoạch số 06-KH/CCTP về sơ kết Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
3. Ban chỉ đạo cải cách tư pháp (2006) *kế hoạch số 05-KH/CCTP về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị “về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” (giai đoạn 2006-2010)*, Hà Nội.
4. Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002) *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
5. Nguyễn Mai Bộ (1997) *Những Biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Mai Bộ, Hoàng Ngọc Thành (2003) “Về các biện pháp ngăn chặn trong dự thảo của Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 08, tr.9-12.
7. Lê Văn cảm (2005) *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000) *Chỉ thị số 53-CT/TW của Bộ chính trị về “Một số công việc cấp bách của cơ quan tư pháp cần được thực hiện trong năm 2000”* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995) *Văn kiện hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001) *Văn kiện hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Trần Văn Độ (2010) Tài liệu Hội thảo quốc tế về quyền con người trong tố tụng hình sự: “*Hoàn thiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*”.
17. Nguyễn Văn Điệp (2005) *Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Luận án tiến sĩ, Đại học Luật Hà Nội.
18. Minh Đạo (2012) *Kiểm sát hoạt động tư pháp – Chức năng quang trọng của Viện kiểm sát nhân dân*, Tạp chí Kiểm sát (số 10), tr.21.
19. Đỗ Văn Dương (2006) “Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay”, Tạp chí  *nghiên cứu lập pháp*, số 07, tr.18.
20. Nguyễn Bá Hùng (2010) *Vai trò của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật – Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
21. Phạm Hồng Hải (2002) “Quan niệm về cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 08, tr.10-11.
22. Học viện tư pháp (2014) *Giáo trình: Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự*,

*Nxb Lao động*, Hà Nội.

23. Trần Thế Linh (2014) *Kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự*, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội.

24. Nguyễn Phạm Tô Phong (2013) *Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

25. Quốc hội (1999) *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

26. Quốc hội (2015) *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

27. Quốc hội (2003) *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.

28. Quốc hội (2015) *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.

29. Quốc hội (1946) *Hiến pháp*, Hà Nội.

30. Quốc hội (1959) *Hiến pháp*, Hà Nội.

31. Quốc hội (1980) *Hiến pháp*, Hà Nội.

32. Quốc hội (1992) *Hiến pháp*, Hà Nội.

33. Quốc hội (2013) *Hiến pháp*, Hà Nội.

34. Quốc hội (2002) *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

35. Quốc hội (2014) *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

36. Lê Hữu Thế (2005) *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp

37. Lưu Hữu Thế (chủ biên) (2008) *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội

38. Lê Hữu Thế (2008) “Một số vấn đề về tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong tiến trình cải cách tư pháp”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 04, tr. 11-17.

39. Trung tâm Từ điển học (2009) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

40. Ủy ban thường Quốc hội (2003) *Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra.*

41. Viện khoa học pháp lý (2006) *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội.

42. Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân (2013-2017) *Báo cáo công tác năm 2013-2017.*

43. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2004) *Hướng dẫn công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù năm 2004.*

44. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018) *hướng dẫn Công tác Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự năm 2018.*

45. Võ Khánh Vinh (2004) *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

46. Trần Duy Bình (2017) “Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn tạm giữ”, <[http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p\\_page\\_id=1754190&p\\_cateid=1751909&item\\_id=18316812&article\\_details=1](http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&item_id=18316812&article_details=1)> (10/07/2017).

47. Báo pháp luật điện tử (2012) “Giải pháp nào hạn chế việc lạm dụng giam giữ?”, <<http://baophapluat.vn/thoi-su/giai-phap-nao-han-che-viec-lam-dung-giam-giu-140806.html>> (21/6/2012).

48. Trần Văn Độ (2012) “Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp tạm giam” <<http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/274>> (11/12/2012).

49. Nguyễn Minh Đức (2010) “Chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát theo tinh thần cải cách tư pháp” <<http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/119/685>> (28/12/2010).